

2018

SPD
Aquaculture & Fisheries



www.seadanang.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

*CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
THỦY SẢN MIỀN TRUNG*

MỤC LỤC



1

THÔNG TIN CHUNG

13

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

21

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

37

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

43

QUẢN TRỊ CÔNG TY

49

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

57

THÔNG TIN CHUNG

- ⑤ Thông tin khái quát
- ⑤ Quá trình hình thành và phát triển
- ⑤ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- ⑤ Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- ⑤ Định hướng phát triển
- ⑤ Rủi ro





KHÁI QUÁT THÔNG TIN

- Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG
- Tên giao dịch : SEADANANG
- Giấy CNĐKDN : Số 0400100778 cấp lần đầu ngày 14/12/2006, thay đổi lần thứ 18 ngày 08/03/2017
- Vốn điều lệ : 120.000.000.000đ
- Địa chỉ : Số 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng
- Số điện thoại : (0236) 3823041/ 3824160
- Số fax : (0236) 3921958
- Website : www.seadanang.com.vn
- Email : info@seadanang.com.vn
- Mã cổ phiếu : SPD
- Sàn giao dịch : UPCoM



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Chi nhánh Xuất Khẩu Thủy Sản Đà Nẵng, tiền thân của Công ty XNK Thủy Sản Miền Trung thành lập.

Công ty XNK Thủy Sản Miền Trung được thành lập theo quyết định số 242/TS-QĐ của Bộ Thủy Sản, là doanh nghiệp Nhà nước, hạch toán độc lập. Công ty có quyền tự chủ về tài chính được thành lập và tổ chức hoạt động kinh doanh chủ yếu trong lĩnh vực thủy sản và phục vụ sản xuất kinh doanh thủy sản.

Đến nay

Đến thời điểm hiện nay, Công ty vẫn đang giữ nguyên mức vốn điều lệ như trên là 120 tỷ đồng và không ngừng phấn đấu nhằm hoàn thành tốt các mục tiêu hoạt động hàng năm được ĐHĐCĐ giao phó cũng như đảm bảo được các nghĩa vụ đóng góp vào Ngân sách Nhà nước.

08/01/2016

Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký chào bán riêng lẻ theo Giấy đăng ký chào bán cổ phần riêng lẻ ngày 07/12/2015 của Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung. Ngày 04/02/2016, Công ty đã phát hành thành công 02 triệu cổ phiếu nâng vốn điều lệ lên mức 120 tỷ đồng. Đồng thời thực hiện báo cáo bằng văn bản gửi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

22/12/2011

Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định cấp giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 130/UBCK-GCN cho Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung. Theo đó, ngày 24/03/2012, Công ty đã kết thúc đợt tăng vốn điều lệ từ 75,6 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng và đã có báo cáo bằng văn bản gửi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng.

23/07/2015

Chuyển đổi từ Công ty có vốn nhà nước chi phối sang công ty cổ phần nhà nước không chi phối. Ngày 14/10/2015 Công ty thực hiện bổ nhiệm lại HĐQT và các vị trí quản lý cấp cao, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức nhân sự. Sau đó thay đổi tên viết tắt của công ty từ Seaprodex Đà Nẵng thành Seadanang và thay đổi logo.

16/03/2010

Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội chấp thuận giao dịch cổ phiếu của Seadanang (mã SPD) trên sàn UPCoM. Ngày 22/04/2010, Công ty đã có phiên giao dịch đầu tiên thành công trên sàn UPCoM.

22/09/2008

Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định cấp giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 335/UBCK-GCN cho Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung. Theo đó, ngày 04/11/2008, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ mức 55 tỷ đồng lên 75,6 tỷ đồng và đã có báo cáo bằng văn bản gửi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng.

26/02/1983

31/03/1993

21/10/2005

09/12/2006

Công ty XNK Thủy Sản Miền Trung thực hiện cổ phần hoá theo chủ trương của Nhà nước về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp, theo quyết định số 1226/QĐ-BTS Bộ Thủy Sản.

Công ty đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thành lập Công ty cổ phần XNK Thủy sản Miền Trung, và ngày 01/01/2007, Công ty cổ phần XNK Thủy sản Miền Trung chính thức hoạt động với vốn điều lệ 55 tỷ đồng.

Các thành tích trong quá trình hoạt động

- ☑ Danh hiệu anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới (2000).
- ☑ Huân chương lao động hạng nhất (2003), hạng nhì (1998), hạng ba (1992).
- ☑ Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín (2004-2007) do Bộ Thương mại xét chọn.
- ☑ Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín 14 năm liền (2004 - 2017) do Bộ Công Thương xét chọn.

Bên cạnh đó, Công ty được công nhận là doanh nghiệp có mối quan hệ lao động tốt thông qua các Bằng khen của UBND Thành phố Đà Nẵng về thành tích “Xuất sắc - tiêu biểu trong việc bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động”, “Xuất sắc trong thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở” được “Tôn vinh Doanh nghiệp chăm lo tốt đời sống người lao động” và “Doanh nghiệp tiêu biểu” do Liên đoàn Lao động Thành Phố Đà Nẵng trao tặng.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

Địa bàn hoạt động

- Đà Nẵng (hoạt động chế biến, xuất khẩu thủy sản, kinh doanh dịch vụ kho vận).
- Hồ Chí Minh (hoạt động kinh doanh vật tư nhập khẩu).
- Quảng Nam (hoạt động sản xuất chế biến thức ăn nuôi thủy sản).

Ngành nghề kinh doanh

Chế biến, xuất khẩu thủy sản đông lạnh (Tôm, mực, cá)

Sản phẩm chủ đạo của Công ty ngoài tôm thẻ chân trắng, còn có các mặt hàng thủy sản giá trị gia tăng truyền thống khác như cá Hổ, cá Nhồng, cá Đồng, cá Sòng ... Các sản phẩm của Công ty được tiêu thụ với doanh số lớn ở nhiều thị trường trên toàn thế giới bao gồm Nhật, Châu Âu, Mỹ, Châu Á, Châu Úc.

Dịch vụ cho thuê kho lạnh

Công ty có hệ thống kho lạnh tại Đà Nẵng có công suất trên 4000 tấn. Với năng lực này, Công ty có thể cung cấp các dịch vụ cấp đông và bảo quản lạnh các loại hàng hóa như thủy sản, nông sản, súc sản và nhiều loại thực phẩm cần bảo quản lạnh của khách hàng.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

Mô hình quản trị

- Mô hình quản trị doanh nghiệp bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng Quản trị; Ban Kiểm soát; Ban Điều hành.

Cơ cấu tổ chức

- Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.
- Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của Công ty thông qua các Phó Tổng Giám đốc.

Công ty liên kết

- Tháng 09/2016 Seadanang liên kết với Công ty CP Đầu tư New City Seadanang. Đây là đối tác của công ty để hợp tác kinh doanh với giá trị tài sản đưa vào góp vốn của Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung tại Công ty cổ phần liên kết mới này là 30 tỷ đồng.

Công ty con: Không có.

Sản xuất kinh doanh thức ăn nuôi thủy sản; gia công thức ăn gia súc, gia cầm.

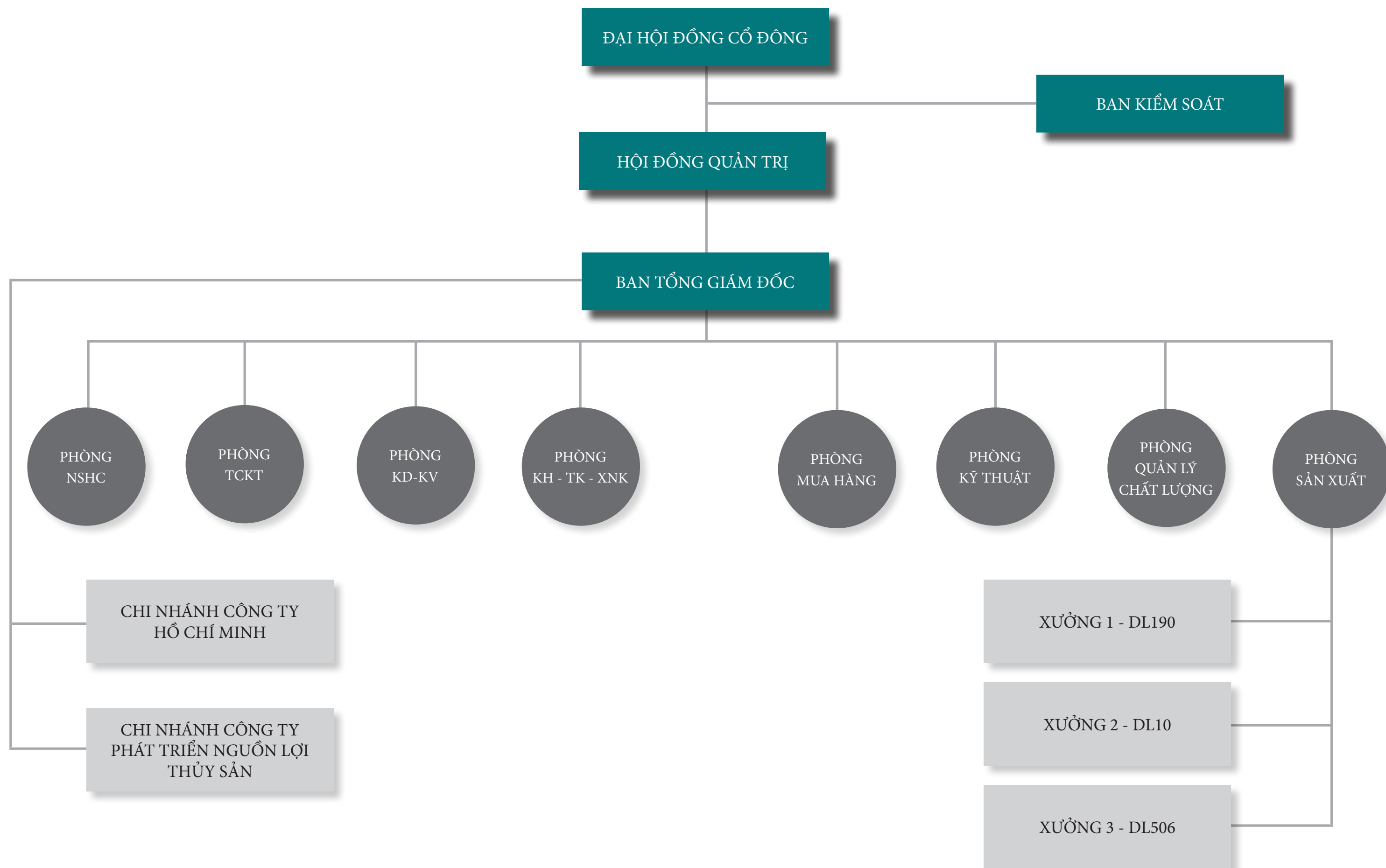
Công ty sản xuất, kinh doanh các loại thức ăn nuôi tôm, cá trên dây chuyền thiết bị công nghệ tiên tiến, theo qui trình kiểm soát chặt chẽ, hệ số tiêu tốn thức ăn tối ưu, tổng hợp đầy đủ nhu cầu dinh dưỡng cho thủy sản nuôi. Ngoài ra còn thực hiện các dịch vụ kỹ thuật công nghệ, vật tư, thiết bị phục vụ nuôi trồng thủy sản.



Kinh doanh vật tư nhập khẩu (Hạt nhựa, giấy, sắt thép, hóa chất...)

Kinh doanh vật tư nhập khẩu là lĩnh vực kinh doanh truyền thống, chuyên nghiệp của Seadanang với hơn 30 năm kinh nghiệm, đã khẳng định được thương hiệu, uy tín của một nhà cung cấp, một nhà bán buôn và bán lẻ lớn của các đối tác, khách hàng trong và ngoài nước. Công ty chuyên kinh doanh nhập khẩu các loại vật tư cho ngành công nghiệp nhựa, sắt thép, hàng tiêu dùng, thiết bị văn phòng, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất...







Các mục tiêu chủ yếu của công ty

- ✓ Công ty xác định trọng tâm hoạt động của Công ty là chế biến - xuất khẩu thủy sản, tiếp tục thực hiện tái cấu trúc công ty nhằm khai thác có hiệu quả tài sản hiện có, bảo toàn vốn và thực hiện mạnh mẽ mục tiêu tăng hiệu quả kinh doanh.

Tầm nhìn

Trở thành doanh nghiệp tiêu biểu vì cuộc sống lành mạnh.

Sứ mệnh

Seadanang cam kết cung cấp cho người tiêu dùng những sản phẩm/dịch vụ có chất lượng tốt với tất cả sự nỗ lực, cống hiến và trách nhiệm đối với cuộc sống con người và xã hội.

Gía trị cốt lõi

- Đầu tư vào con người là đầu tư vào chất lượng công việc, chất lượng sản phẩm;
- Lấy chữ tín đối với khách hàng và các bên liên quan làm phương châm hoạt động;
- Lấy các giá trị “đoàn kết - năng động - chuyên nghiệp” làm nền tảng văn hóa doanh nghiệp;
- Hợp tác cùng phát triển là môi trường và sức mạnh để tồn tại và cạnh tranh lành mạnh hướng vào thị trường và phát triển bền vững.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Công ty quan tâm đến việc phấn đấu đạt các tiêu chuẩn quốc tế về quản lý chất lượng và môi trường.
- Các nhà máy của Seadanang luôn phấn đấu tạo ra một môi trường làm việc an toàn và sạch sẽ.
- Công ty đầu tư những máy móc thiết bị tiên tiến, tiết kiệm nhiên liệu và điện năng góp phần giảm thải các khí gây hiệu ứng nhà kính như carbon dioxide, methane...
- Là một công ty chuyên sản xuất chế biến thủy hải sản, Seadanang không chỉ chú trọng về vệ sinh thực phẩm làm ra mà còn đặt yếu tố thân thiện với môi trường lên hàng đầu.
- Tất cả các nhà máy của Seadanang đều thực hiện đầy đủ các quy định, yêu cầu về các đánh giá tác động đối với môi trường.
- Nhà máy đã được đầu tư hệ thống xử lý nước thải công suất 1.000m3/ngày đêm, đạt tiêu chuẩn đầu ra của Việt Nam.
- Nhà máy ưu tiên sử dụng các loại bao bì thân thiện với môi trường: công ty sử dụng bao bì có trọng lượng nhẹ, có thể tái chế hoặc có thể tự hủy để bảo vệ môi trường.
- Từng bước nâng cao đời sống người lao động về vật chất và tinh thần, đảm bảo việc làm cho người lao động, những chế độ liên quan đến Nhân sự để tạo nên những giá trị cốt lõi.

Rủi ro kinh tế

Năm 2018 là năm khởi sắc đối với nền kinh tế Việt Nam, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt mức cao nhất trong 10 năm gần đây. Hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng được mở rộng, với việc thông qua hiệp định thương mại : Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), hay từ tiến trình xúc tiến đàm phán các hiệp định thương mại tự do (FTA).

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chế biến và xuất khẩu thủy hải sản, Công ty SPD chịu tác động mạnh mẽ từ các yếu tố kinh tế. Do đó, công ty luôn chủ động cập nhật tình hình kinh tế thế giới cũng như trong nước để có những phương án dự phòng, làm chủ khi biến động kinh tế xảy ra.

Rủi ro pháp luật

Mọi hoạt động kinh doanh đều chịu sự kiểm soát của pháp luật. Pháp luật Việt Nam đang trong giai đoạn hoàn thiện, nên liên tục thay đổi. Các công ty cổ phần chịu sự điều chỉnh của các luật liên quan đến kinh doanh như: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật thuế, Luật kế toán,... những luật này thường xuyên được chỉnh sửa. Điều này tạo nhiều thuận lợi nhưng cũng mang đến nhiều thách thức cho các công ty nói chung và công ty Seadanang nói riêng.

Hoạt động trong lĩnh vực chế biến và xuất khẩu thủy hải sản SPD còn chịu sự chi phối của nhiều quy định liên quan về: xuất nhập khẩu, an toàn vệ sinh thực phẩm... Do đó, để giảm thiểu rủi ro pháp luật công ty SPD thường xuyên cập nhật về việc sửa đổi luật, chuẩn bị kỹ lưỡng và tuân thủ nghiêm ngặt theo quy định của pháp luật.

Số liệu của tổng cục Thống kê cho thấy, tổng sản phẩm trong nước (GDP) cả năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây . Lạm phát được kiểm soát dưới mức 4%, CPI bình quân năm 2018 tăng 3,54% so với bình quân năm 2017. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt mức tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn 2012-2018, trong đó ngành thủy sản là điểm sáng với mức tăng 6,46%.



Rủi ro về thị trường

Việc thực hiện các Hiệp định thương mại tự do (FTA), kết thúc đàm phán Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và hình thành cộng đồng ASEAN mở ra cơ hội phát triển lớn hơn cho thị trường Việt Nam, tuy nhiên thách thức cũng không nhỏ. Điều này sẽ tạo thu hút mạnh mẽ đối với nhà đầu tư nước ngoài vào nền kinh tế, cả về cung lẫn cầu. Sự cạnh tranh trên thị trường quốc tế ngày càng trở nên gay gắt hơn. Mỹ, EU là thị trường tiêu thụ lớn nhất mặt hàng thủy sản Việt Nam. Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) chính thức có hiệu lực trong năm 2019 sẽ tạo cơ hội cho tôm Việt Nam xuất sang EU trong năm 2019 thuận lợi hơn (hiện là nơi áp dụng mức thuế nhập khẩu Tôm cao nhất), khi mà 90% dòng thuế đánh vào các mặt hàng thủy sản xuất khẩu qua EU sẽ giảm về 0% trong 3 – 4 năm (mức thuế nhập khẩu vào EU hiện tại khoảng 14%, trong khi Thailand vẫn ở mức 20%). Để giữ được sức cạnh tranh trên thị trường, công ty phải luôn đảm bảo được chất lượng sản phẩm, uy tín với khách hàng, phải duy trì, phát triển hơn trong mối quan hệ với khách hàng cũ và tiếp cận phân khúc khách hàng tiềm năng khác

Rủi ro nguyên vật liệu

Yếu tố nguyên vật liệu đầu vào luôn tiềm ẩn rủi ro đối với hoạt động sản xuất và chế biến. Sản phẩm chủ đạo của Công ty ngoài tôm thẻ chân trắng, còn có các mặt hàng thủy sản giá trị gia tăng truyền thống khác như cá Hổ, cá Nhồng và mực các loại... Chất lượng nguồn thủy sản bị chi phối nhiều bởi các yếu tố: khí hậu, thức ăn, con giống, dịch bệnh,... Tuy vậy trong năm vừa qua theo số liệu của tổng cục thủy sản thì sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy hải sản tăng so với năm 2017, góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất của SPD.



Rủi ro tỷ giá hối đoái

Hoạt động chính của doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực xuất nhập khẩu, do đó sự biến động tỷ giá ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của Seadanang.

Theo nhận định của các chuyên gia Kinh tế, trong năm 2018, nhiều yếu tố bên ngoài đã tác động tới việc điều hành chính sách tiền tệ của NHNN, đó là việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) liên tục tăng lãi suất USD, làm tác động tới đồng nội tệ của Việt Nam - so với thời điểm đầu năm đã mất giá khoảng 2,2-2,3% so với USD, thấp hơn khá nhiều so với mức mất giá của EUR, GBP và CNY lần lượt là 4,5%; 5,7% và 5,4%. Điều này đã tạo được lợi thế cạnh tranh về giá cho công ty.

Rủi ro môi trường

Là công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất - chế biến và xuất khẩu thủy hải sản, do đó trong quá trình sản xuất công ty sẽ không tránh khỏi những tác động đến môi trường cũng như người dân ở các vùng lân cận nhà máy. Hiểu được tầm quan trọng của vấn đề môi trường, công ty cũng rất chú trọng trong khâu xử lý chất thải, đầu tư xây dựng hệ thống công nghệ, kỹ thuật thân thiện với môi trường.

Rủi ro khác

Hoạt động của công ty còn chịu ảnh hưởng nhiều bởi các yếu tố bất khả kháng như cháy, nổ, thiên tai,... những rủi ro này xác suất xảy ra là rất nhỏ, tuy nhiên nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động của công ty. Để giảm thiểu tác động của rủi ro này, công ty cần bảo đảm an toàn lao động, các yếu tố bảo vệ môi trường, hạn chế tác động đến môi trường xung quanh.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- ⑤ Hội đồng quản trị
- ⑤ Ban kiểm soát
- ⑤ Ban Tổng Giám đốc
- ⑤ Những thay đổi trong
ban điều hành, HĐQT & BKS
- ⑤ Tình hình nhân sự và chính
sách đối với người lao động





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cơ cấu hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Mạnh Thường	Chủ tịch
Ông Trần Mạnh Hữu	Phó chủ tịch
Ông Lê Vĩnh Hòa	Thành viên
Bà Trần Như Thiên My	Thành viên
Ông Đỗ Văn Sinh	Thành viên



Ông Lê Mạnh Thường / Chủ tịch HĐQT

- ☒ Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần - tỷ lệ 0%
- ☒ Đại diện phần vốn: 2.150.000 cổ phần - tỷ lệ 17,9 % vốn điều lệ
- ☒ Chức vụ tại công ty khác:
 - Chủ tịch HĐQT CTCP Trường Mạnh Holdings Việt Nam
 - Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư và phát triển Đức Quân;
 - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chiếu sáng công cộng TP HCM.

Ông Lê Vĩnh Hòa / Thành viên HĐQT

- ☒ Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần - tỷ lệ 0%
- ☒ Đại diện phần vốn: 1.800.000 cổ phần - tỷ lệ 15 % vốn điều lệ
- ☒ Chức vụ tại công ty khác:
 - Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Thủy sản số 4;
 - Thành viên HĐQT Liên doanh Thủy sản Việt Nga;
 - Trưởng Ban Kiểm soát CTCP XNK Thủy sản Năm Căn;
 - Thành viên Ban kiểm soát CTCP XNK Thủy sản Hà Nội.

Ông Trần Mạnh Hữu / Phó chủ tịch HĐQT

- ☒ Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần - tỷ lệ 0%
- ☒ Đại diện phần vốn: 2.447.538 cổ phần - tỷ lệ 20,39% vốn điều lệ
- ☒ Chức vụ tại công ty khác:
 - Phó Tổng giám đốc – Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP;
 - Phó Trưởng Ban đầu tư 5 – Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước;
 - Thành viên HĐQT – CTCP Hạ tầng và bất động sản Việt Nam;
 - Thành viên HĐQT – CTCP tư vấn đầu tư và đầu tư Việt Nam;
 - Thành viên HĐQT – CTCP XNK và Hợp tác đầu tư giao thông vận tải.

Bà Trần Như Thiên My / Thành viên HĐQT

- ☒ Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 25.000 cổ phần - tỷ lệ 0,21% vốn điều lệ
- ☒ Đại diện phần vốn: 0 cổ phần - tỷ lệ 0%
- ☒ Chức vụ tại công ty khác: Không.

Ông Đỗ Văn Sinh / Thành viên HĐQT

- ☒ Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần - tỷ lệ 0%
- ☒ Đại diện phần vốn: 0 cổ phần - tỷ lệ 0%
- ☒ Chức vụ tại công ty khác: Không.



BAN KIỂM SOÁT

Cơ cấu ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Phạm Khánh Tâm	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Phạm Thị Phương	Thành viên
Ông Trần Phước Thái	Thành viên

Bà Phạm Khánh Tâm / Trưởng BKS

- ☒ Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần - tỷ lệ 0%
- ☒ Đại diện phần vốn: 0 cổ phần - tỷ lệ 0%
- ☒ Chức vụ tại công ty khác: Không.

Bà Phạm Thị Phương / Thành viên BKS

- ☒ Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 1.011.500 cổ phần - tỷ lệ 8,43% vốn điều lệ
- ☒ Đại diện phần vốn: 0 cổ phần - tỷ lệ 0%
- ☒ Chức vụ tại công ty khác: Kế toán trưởng CTCP Trường Mạnh Holdings Việt Nam

Ông Trần Phước Thái / Thành viên BKS

- ☒ Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần - tỷ lệ 0%
- ☒ Đại diện phần vốn: 120.000 cổ phần - tỷ lệ 1 % vốn điều lệ
- ☒ Chức vụ tại công ty khác:
 - Trưởng Phòng Quản lý vốn Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP.



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cơ cấu Ban Tổng Giám Đốc

Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu
Bà Trần Như Thiên My	Tổng Giám đốc	25.000 CP - 0,21% vốn điều lệ
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	33.690 CP - 0,28% vốn điều lệ
Ông Nguyễn Minh Chánh	Phó Tổng Giám đốc	22.000 CP - 0,18% vốn điều lệ
Ông Đỗ Văn Sinh	Phó Tổng Giám đốc	0 CP
Ông Lê Thanh Phương	Kế toán trưởng	0 CP

Bà Trần Như Thiên My / Tổng Giám đốc

- ☒ Giới tính: Nữ
- ☒ Năm sinh: 11/06/1969
- ☒ Nguyên quán: Ninh Hòa, Khánh Hòa
- ☒ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán tài chính – Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- ☒ Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- ☒ Quá trình công tác:
 - 1991 – 11/1993: Kế toán – Seaprodex Nha Trang
 - 12/1993 – 10/2003: Kế toán – Công ty XNK Thủy Sản Miền Trung (Seaprodex Danang)
 - 11/2003 - 2006: Thư ký, trợ lý Giám đốc -Seaprodex Danang
 - 01/2007 – 08/2007: Phó Ban Tài chính - Kế hoạch - Đầu tư (Seaprodex Danang)
 - 09/2007 - 2009: Phó Giám đốc Công ty CB & XK Thủy Sản Thọ Quang (Seaprodex Danang)
 - 01/2010 – 09/2012: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung
 - 10/2012 – 03/2017: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung
 - 03/2017 - Nay: Tổng Giám đốc Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung
 - 05/2017 - Nay: Thành viên HĐQT Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung

Ông Nguyễn Anh Tuấn / Phó TGD

- ☒ Giới tính: Nam
- ☒ Năm sinh: 31/12/1970
- ☒ Nguyên quán: Quế Sơn, Quảng Nam
- ☒ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- ☒ Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc
- ☒ Quá trình công tác:
 - 08/1994 – 04/1999: Chuyên viên Phòng Kế hoạch Xí nghiệp chế thủy sản 86
 - 05/1999 – 09/2003: Phó Phòng Kế hoạch Xí nghiệp chế thủy sản 86
 - 10/2003 – 12/2006: Trưởng Phòng Kế hoạch Xí nghiệp chế thủy sản 86
 - 01/2007 - 09/2012: Phó Giám đốc Công ty CB & XK Thủy sản Thọ Quang
 - 10/2012 - Nay: Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung

Ông Nguyễn Minh Chánh / Phó TGD

- ☒ Giới tính: Nam
- ☒ Năm sinh: 11/09/1960
- ☒ Nguyên quán: Đại Hòa – Quảng Nam
- ☒ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- ☒ Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc
- ☒ Quá trình công tác:
 - 1983 - 1990: Nhân viên Phòng kế hoạch TP Đà Nẵng – QNĐN
 - 1990 - 2005: Phó Giám Đốc Xí nghiệp 10 – Công ty XNK thủy sản Miền Trung
 - 2005 - 12/2013: Phó Giám Đốc Công ty – Công ty Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Thọ Quang
 - 01/2014 - 08/2018: Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung
 - 08/2018 - Nay: Phó Tổng Giám Đốc kiêm Trưởng phòng NSHC Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung

Ông Đỗ Văn Sinh / Phó TGD

- ☒ Giới tính: Nam
- ☒ Năm sinh: 31/03/1980
- ☒ Nguyên quán: Thái Bình
- ☒ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- ☒ Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc
- ☒ Quá trình công tác:
 - 2004-2012: Trưởng P. Kinh doanh CTCP Tập đoàn Đại Cường
 - 2012-2016: Phó Giám đốc kinh doanh CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
 - 9/2017 – 2/2018: Trợ lý Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc Kinh doanh – kho vận CTCP XNK Thủy sản Miền Trung
 - 3/2/2018- Đến nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP XNK Thủy sản Miền Trung

Ông Lê Thanh Phương / Kế Toán Trưởng

- ☒ Giới tính: Nam
- ☒ Năm sinh: 20/10/1977
- ☒ Nguyên quán: Điện Phương, Điện Bàn, Quảng Nam
- ☒ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- ☒ Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng
- ☒ Quá trình công tác:
 - 2000 - 2001: Nhân viên kế toán Công ty Bia Đà Nẵng
 - 2002 - 2005: Phó phòng kế toán, quyền kế toán trưởng Chi nhánh Công ty chế biến và xuất khẩu thủy sản Cam Ranh thuộc Công ty XNK Thủy sản Miền Trung
 - 2007 – 10/2012: Kế toán trưởng Chi nhánh Công ty chế biến và xuất khẩu thủy sản Thọ Quang thuộc Công ty CP XNK TS Miền Trung
 - 10/2012 - Nay: Kế toán trưởng Công ty CP XNK thủy sản Miền Trung





NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH, HĐQT & BKS

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản miền trung trong năm có những thay đổi về Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

- ✓ Theo biên bản họp số 01/2018/BBH-BKS-SPD ngày 03/04/2018 bổ nhiệm bà Phạm Khánh Tâm giữ chức Trưởng ban kiểm soát Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung nhiệm kỳ 2017 – 2022.
- ✓ Theo Nghị quyết HĐQT số 12A/2018/NQ-HĐQT ngày 11/09/2018 thống nhất Ông Thái Bá Nam thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung kể từ ngày 11/09/2018, thống nhất bổ nhiệm Ông Lê Mạnh Thường làm Chủ tịch HĐQT Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung thay cho Ông Thái Bá Nam.
- ✓ Ngày 16/10/2018 Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung nhận được đơn từ nhiệm TV HĐQT của Ông Thái Bá Nam và Ông Nguyễn Văn Tàn và đã thực hiện Công bố thông tin đúng quy định.
- ✓ Ngày 26/12/2018, Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung đã triệu tập Đại hội cổ đông bất thường năm 2018. Đại hội đồng đã thống nhất thông đơn từ nhiệm TV HĐQT của Ông Thái Bá Nam, Ông Nguyễn Văn Tàn và bầu 02 thành viên thay thế là Ông Trần Mạnh Hữu và Ông Lê Vinh Hòa. Sau đó Hội đồng quản trị đã tổ chức họp và thống nhất bầu Ông Trần Mạnh Hữu làm Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung kể từ ngày 26/12/2018 theo nghị quyết HĐQT số 19/2018/NQ-HĐQT.



TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm (đồng/tháng/người)

STT	Năm	Mức lương bình quân
1	2016	5.593.064
2	2017	6.798.354
3	2018	8.070.769

Chính sách đối với người lao động

Nhằm tạo điều kiện tốt nhất phù hợp với đặc thù sản xuất để công nhân viên phát huy tối đa năng lực chuyên môn, năng suất lao động và khả năng sáng tạo, Seadanang luôn cố gắng xây dựng một môi trường làm việc năng động.

Không ngừng hoàn thiện chính sách cho người lao động ngày càng tốt đẹp hơn thông qua việc thực hiện đúng và đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động theo quy định của Pháp luật như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, nâng bậc nghề, các chế độ ốm đau, thai sản, thực hiện các suất ăn tăng giờ, tăng ca ...

Tính đến ngày 31/12/2018, tình hình lao động tại Công ty như sau:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ trọng (%)
I	Phân loại theo giới tính	714	100%
1	Nam	254	35,57%
2	Nữ	460	64,43%
II	Phân loại theo trình độ	714	100%
1	Trình độ trên Đại học	3	0,42%
2	Trình độ đại học	73	10,22%
3	Trình độ cao đẳng	25	3,50%
4	Trình độ trung cấp	37	5,18%
5	Tốt nghiệp Trung học phổ thông	127	17,79%
6	Chưa tốt nghiệp trung học phổ thông	449	62,89%
III	Phân loại theo hợp đồng lao động	714	100%
1	Hợp đồng không thời hạn	217	29,17%
2	Hợp đồng thời hạn từ 01 - 03 năm	351	47,18%
3	Hợp đồng dưới 01 năm	146	23,66%

Cụ thể:

- Đảm bảo 100% cán bộ công nhân viên của Công ty vào làm việc từ 3 tháng trở lên được ký kết hợp đồng lao động và tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp.
 - Thực hiện mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể cán bộ công nhân viên.
 - Nâng lương, thi nâng bậc nghề cho người lao động thực hiện đúng quy trình, quy định của pháp luật.
 - Trang bị đầy đủ BHLĐ theo qui định của ngành, đảm bảo ATVS lao động
 - Thực hiện đúng chế độ thai sản, nuôi con nhỏ, nghỉ việc riêng ...
 - Hỗ trợ 100% chi phí đào tạo, nâng cao tay nghề, thi bậc nghề cho công nhân trực tiếp sản xuất.
 - Trang bị bảo hộ lao động, các phương tiện bảo vệ cá nhân tại nơi làm việc theo yêu cầu ngành nghề, đảm bảo chất lượng, khám sức khỏe 2 lần/ năm cho người lao động.
- Những chính sách trên cho thấy Công ty đã rất chú trọng đến việc tạo điều kiện nâng cao công suất và cải thiện điều kiện nhà máy, đồng thời cũng đã gánh khá nhiều chi phí trong kỳ kinh doanh.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- ⑤ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ⑤ Tình hình hoạt động đầu tư
- ⑤ Tình hình tài chính
- ⑤ Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu

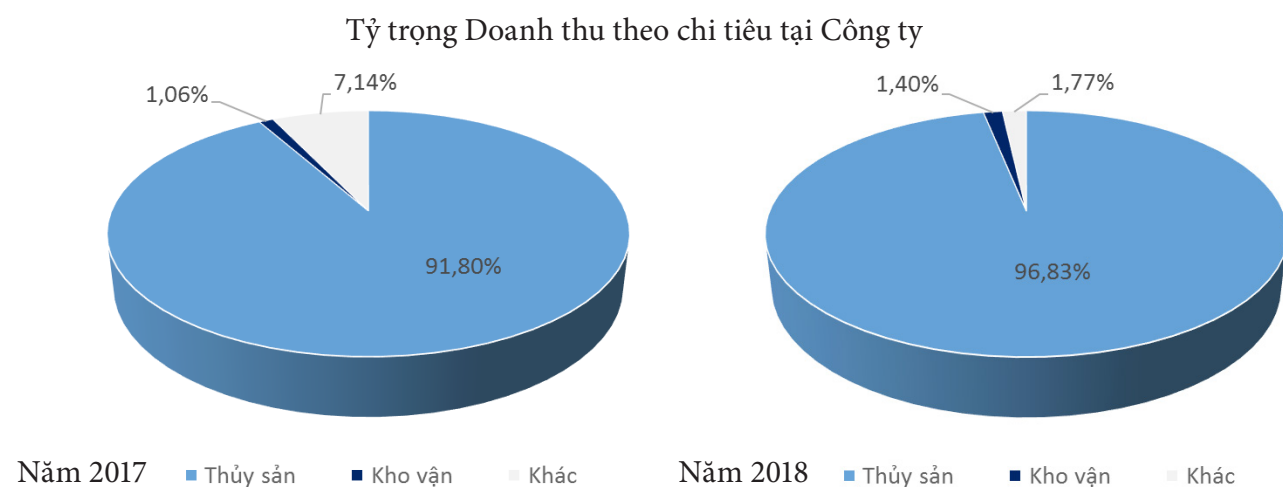




TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Cơ cấu doanh thu

Đơn vị Kinh doanh	KH 2018 (tỷ đồng)	Doanh thu 2018	Doanh thu 2017	% TH/ KH 2018	% TH 2018/ 2017
Tại Công ty, trong đó :	897,42	681,61	854,71	75,95	79,75
Thủy sản	881,09	660,02	784,59	74,91	84,12
Kho vận	8,90	9,54	9,06	107,22	105,28
KD vật tư	-	-	58,70	-	-
Khác (cổ tức LHG, bán cổ phiếu,...)	7,43	12,04	2,36	162,11	510,43
Chi nhánh Công ty tại Tp HCM	159,00	177,76	131,64	111,80	135,03
Chi nhánh-Cty PTNL Thủy sản	24,00	24,15	22,50	100,63	107,34
Cộng	1.080,42	883,52	1.008,85	81,81	87,58



Trong các hoạt động SXKD chính của Công ty, chỉ có chế biến-xuất khẩu thủy sản không đạt kế hoạch năm 2018. Doanh thu từ “hoạt động khác” tăng vượt trội so với năm 2017 do Công ty có thực hiện bán ra cổ phiếu LHG.

Chế biến - xuất khẩu thủy sản:

Năm 2018, kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt hơn 28,52 triệu USD, sản lượng xuất khẩu 3.341,26 tấn.

Kinh doanh vật tư:

Kinh doanh vật tư năm 2018 là hoạt động chỉ có tại Chi nhánh Tp HCM (doanh thu đạt 111,8% kế hoạch, lợi nhuận đạt 75,78% kế hoạch), nhưng hiệu quả của toàn lĩnh vực kinh doanh vật tư lại bị ảnh hưởng nhiều từ công nợ chậm thu tại Công ty (bông sợi), làm ảnh hưởng chung hiệu quả Công ty.

Kinh doanh dịch vụ kho vận:

Năm 2018, đơn vị kinh doanh dịch vụ Kho vận có doanh số 9,54 tỷ đồng, vượt 7% so với kế hoạch năm, vượt khoảng 5% so với cùng kỳ năm trước.

Hoạt động SX-KD thức ăn nuôi thủy sản:

Hoạt động SX-KD thức ăn nuôi thủy sản có một năm hoạt động tốt, các khu vực thị trường đều có sự tăng trưởng, doanh thu vượt kế hoạch, đặc biệt lợi nhuận vượt gấp đôi kế hoạch và cao hơn năm trước 72%, tuy nhiên, vẫn chiếm tỷ lệ thị phần rất nhỏ ở Việt Nam.

Cơ cấu lợi nhuận :

Đơn vị kinh doanh	KH 2018 (tỷ đồng)	TH 2018 (tỷ đồng)
Tại Công ty, trong đó:	12,20	(1,71)
Thủy sản	9,23	9,38
Kho vận	2,24	1,98
KD vật tư		(25,61)
Khác (cổ tức, bán CP, khác)	0,73	12,53
Chi nhánh Công ty tại Tp HCM	2,00	1,52
KD vật tư	1,00	1,06
Cho thuê nhà	1,00	0,46
Chi nhánh- Cty PTNL Thủy sản	1,00	1,92
Cộng	15,20	1,72

Tổng doanh thu thực hiện năm 2018 là 883,52 tỷ đồng, đạt được 80% kế hoạch ; Kim ngạch xuất nhập khẩu đạt xấp xỉ 75% kế hoạch (trong đó thực hiện xuất khẩu đạt 73,80 % so với kế hoạch và nhập khẩu đạt 83,47% so với kế hoạch), hoàn thành kế hoạch khấu hao (theo đúng quy định), kết quả lợi nhuận chỉ đạt 1,72 tỷ đồng (11,35% kế hoạch) – do năm 2018 Công ty phải dự phòng công nợ chậm thu khó đòi lớn (21,733 tỷ đồng) từ hoạt động kinh doanh bông sợi tại Đà Nẵng.



Kết quả kinh doanh năm 2018 có hiệu quả khá tốt ở tất cả các lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty, trừ mảng vật tư bông sợi. Năm qua Công ty cũng có lợi nhuận lớn từ hoạt động bán cổ phiếu LHG.

Đơn vị Công ty Phát triển Nguồn Lợi Thủy Sản của Công ty đã có một năm hoạt động tốt, nhưng chưa thực sự ổn định theo hướng bền vững, máy móc thiết bị cũ đã lâu chưa được tái đầu tư; Chi nhánh công ty tại TpHCM vẫn duy trì hoạt động kinh doanh vật tư với các mặt hàng có độ cạnh tranh cao, khó có cơ hội đột phá, nên khả năng tăng doanh thu và tìm kiếm lợi nhuận sẽ hạn chế ... Những vấn đề nêu trên khiến cho việc lập kế hoạch 2019 phải hết sức thận trọng.

Các hoạt động kinh doanh trọng yếu :

Hoạt động chế biến – xuất nhập khẩu Thủy sản

Nội dung	ĐVT	KH 2018	TH 2018	TH 2017	%TH/KH 2018	%TH/ 2017
Sản lượng XK	Tấn	3.600,00	3.341,26	3.499,72	92,81	95,47
KNXK	Triệu USD	38,64	28,52	33,01	73,80	86,38
Doanh thu	Tỷ đồng	881,09	660,02	784,59	74,91	84,12
LNTT	Tỷ đồng	9,23	9,38	16,58	101,67	57,00

Năm 2018, Công ty thực hiện xuất khẩu bình quân hơn 278 tấn/tháng. Châu Âu vươn lên thay thế Mỹ, dẫn đầu thị trường nhập khẩu của tôm Việt Nam, theo sau thị trường EU là thị trường của Mỹ và Nhật Bản là những thị trường mạnh trong nhóm dẫn đầu nhập khẩu Tôm Việt. Theo Vasep, xuất khẩu tôm Việt Nam vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi, tiếp tục giảm 15,8% so với năm 2017. Hiện tại giá tôm thế giới đang ở mức thấp nhất, đây là điều khác biệt so với mọi năm.

Nhật là thị trường nhập khẩu tôm lớn thứ 3 của Việt Nam, chiếm 17,9% tổng giá trị xuất khẩu Tôm của Việt Nam đi các thị trường, nhưng năm 2018 thị trường nhập khẩu này có sự sụt giảm nhiều do tồn kho cao, đồng JPY mất giá, và Tôm Việt Nam phải cạnh tranh với giá Tôm từ Indonesia và Ấn Độ - là những nước đang trở thành “cường quốc” tôm thẻ chân trắng trong vài năm gần đây. Tôm là sản phẩm chủ lực của công ty, do thị trường tôm năm vừa qua không khả quan nên lợi nhuận tiêu thụ của công ty năm 2018 giảm năm trước. Tuy nhiên, lợi nhuận vẫn vượt mức kế hoạch đề ra của công ty.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

STT	Danh mục đầu tư	Vốn điều lệ (Đ)	Tổng CP	SPD sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá vốn của SPD (Đ)
1	NCS	90.000.000.000	9.000.000	3.000.000	33,33%	30.000.000.000
2	LHG	500.120.100.000	50.012.010	423.750	0,84%	6.519.228.441
Cộng						36.519.228.441



Hoạt động kinh doanh vật tư



Kinh doanh vật tư năm 2018 là hoạt động có tại Chi nhánh Tp HCM (vật tư nhập khẩu), tại Văn phòng Công ty (Đức Quân, 3GR).

Kinh doanh vật tư năm 2018 là hoạt động chỉ có tại Chi nhánh Tp HCM có lãi, nhưng hiệu quả chung của lĩnh vực này lại bị ảnh hưởng nhiều từ công nợ của mảng kinh doanh vật tư (bông sợi) tại Công ty, cụ thể:

- Doanh thu hoạt động kinh doanh vật tư từ chi nhánh Tp HCM là 174 tỷ đồng (tăng hơn 10% so với kế hoạch năm. Năm 2018 là một năm biến động mạnh của giá hạt nhựa (mặt hàng kinh doanh chính của chi nhánh), rớt liên tục từ hơn 1.300 USD/tấn (PP) xuống còn 1.050 USD/tấn, các nhà nhập khẩu “bắt đáy” để nhập khẩu nhiều, tồn kho ở mức quá cao, nên việc bán ra với giá thấp là một áp lực thực sự lớn trong năm này; đến 31/12/2018 Chi nhánh Công ty tại Tp HCM không còn tồn kho hạt nhựa nên rủi ro tiềm ẩn tồn kho là không có.
- Công ty không có hoạt động kinh doanh vật tư tại Đà Nẵng, nhưng công nợ tồn đọng lại lớn, không chỉ làm Công ty gánh chịu chi phí lãi vay lớn mà còn ảnh hưởng nguồn vốn và phải dự phòng công nợ khó đòi theo tuổi nợ.

Đến nay, Công ty đã thực hiện đầu tư tài chính dài hạn với 03 danh mục đầu tư lớn :

- Các khoản đầu tư này đã giảm từ chiếm 77% vốn đầu tư của chủ sở hữu tại Công ty (120 tỷ đồng) hồi đầu năm, xuống còn 30,43% tại 31/12/2018.
- Năm qua, hoạt động kinh doanh tại Công ty liên kết (Công ty CP Đầu tư New City Seadanang) vẫn còn, tình hình tài chính được duy trì ổn định.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	2017	2018	Tỷ lệ (%) 2018/2017
1	Tổng giá trị tài sản	449.966.912.977	437.141.938.086	97,15%
2	Doanh thu thuần	993.923.379.922	868.408.663.127	87,37%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	13.869.676.620	1.049.493.051	7,57%
4	Thu nhập khác	563.901.503	733.828.907	130,13%
5	Lợi nhuận trước thuế	14.363.995.391	1.724.902.139	12,01%
6	Lợi nhuận sau thuế	12.356.690.052	1.724.902.139	13,96%

So với năm 2017 doanh thu thuần năm 2018 giảm 12,63% tương ứng giảm 125 tỷ đồng. Mặc dù, giá vốn hàng bán có xu hướng giảm nhưng các khoản chi phí lại tăng, đặc biệt là chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính (do tăng nợ vay để đầu tư thêm trang thiết bị và phương tiện). Do đó lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty có sự giảm đáng kể. Thu nhập khác năm 2018 tăng hơn năm 2017 nhưng lợi nhuận sau thuế giảm tới 86,04% (bởi mức giảm giá vốn hàng bán và mức tăng thu nhập khác thấp hơn rất nhiều so với mức tăng chi phí tài chính).

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,06	1,22
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,53	0,71
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	67,98%	68,30%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	212,28%	215,44%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,42	5,11
Vòng quay tài sản	Vòng	2,22	1,96
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,24%	0,20%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	8,75%	1,22%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,77%	0,39%
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	1,40%	0,12%

Về khả năng thanh toán

Hai hệ số thanh toán ngắn hạn lần thanh toán nhanh tại thời điểm cuối năm 2018 so với năm 2017 đều có sự gia tăng, lần lượt là 1,22 và 0,71 lần. Tài sản ngắn hạn trong năm đạt mứ 353 tỷ, tăng 8,59% so với năm 2017. Nguyên nhân chính do hàng tồn kho, các khoản phải thu ngắn hạn khác tăng, đặc biệt là tiền và các khoản tương đương tiền tăng đến 254,79% so với năm 2017. Nợ ngắn hạn năm có xu hướng giảm, do đó khả năng thanh toán của công ty tăng đáng kể. Như vậy tại thời điểm hiện tại khả năng thanh toán của SPD được đánh giá tốt.

Về khả năng thanh toán

Cơ cấu vốn của công ty trong năm 2018 có sự thay đổi khi tổng tài sản giảm nhẹ từ 67,98% xuống 68,30%, còn hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu tăng từ 212,28% lên 215,44%. Hệ số nợ trên tổng tài sản giảm là do tổng tài sản có tỷ lệ giảm lớn hơn tỷ lệ giảm của nợ phải trả. Bên cạnh đó, tỷ lệ nợ phải trả cũng giảm với tỷ lệ lớn hơn tỷ lệ giảm của vốn CSH làm cho tỷ lệ nợ trên vốn CSH giảm, nhưng không đáng kể.

Về chỉ tiêu năng lực hoạt động

Năm 2018, Hàng tồn kho có sự sụt giảm 10,49% so với năm 2017 nhưng do giá vốn hàng bán giảm mạnh hơn mức giảm của hàng tồn kho, làm cho vòng quay hàng tồn kho năm nay chậm hơn năm trước (giảm từ 5,42 xuống 5,11). Tuy nhiên không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm. Hệ số vòng quay tổng tài sản giảm do doanh thu thuần giảm nhưng tỷ lệ lớn hơn tỷ lệ giảm của tổng tài sản cho thấy tài sản công ty đầu tư chưa mang lại hiệu quả doanh thu chưa mang lại hiệu quả cao.

Về khả năng sinh lời

Các chỉ số về khả năng sinh lợi của công ty đều giảm trong năm qua. Nguyên nhân chủ yếu là do doanh thu thuần ,vốn CSH, và tổng tài sản giảm nhưng nhỏ hơn nhiều so với mức giảm lợi nhuận sau thuế. Lợi nhuận sau thuế năm qua giảm đến 86,04% chỉ đạt 1,7 tỷ. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm tới 92,43% cho thấy việc tăng vốn vào đầu tư trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, những khoản đầu tư này chưa tạo được doanh thu tương xứng.





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần : Tổng số cổ phần phát hành: 12.000.000 cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 12.000.000 cổ phần.
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông.
- Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Cơ cấu cổ đông năm 2018 :

STT	Loại Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1.	Nhà nước	1	4.367.538	36,39%
2.	Cổ đông trong nước	339	7.629.262	63,58%
	Tổ chức	8	2.616.689	21,81%
	Cá nhân	331	5.012.573	41,77%
3.	Cổ đông nước ngoài	2	3.200	0,03%
	Tổ chức	0	0	0,00%
	Cá nhân	2	3.200	0,03%
Tổng cộng		342	12.000.000	100%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên Cổ đông lớn	Số lượng cổ phần đang nắm giữ	Tỷ lệ
1	Tổng Công Ty Thủy Sản Việt Nam	4.367.538	36,40%
2	Công Ty TNHH Trường Mạnh Holdings Việt Nam	2.150.000	17,92%
3	Phạm Thị Phương	1.011.500	8,43%
4	Lâm Văn Đình	1.000.000	8,33%
5	Tô Thanh Sơn	600.000	5,00%
Tổng cộng		9.129.038	76,08%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu :

Không có.

Giao dịch cổ phiếu quỹ :

Không có.

Các chứng khoán khác :

Không có.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- ⑤ Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- ⑤ Tình hình tài chính
- ⑤ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
- ⑤ Kế hoạch phát triển trong tương lai
- ⑤ Giải trình của Ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán





Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018	TH 2018	TH 2017	% TH/KH 2018	% TH 2018/2017
1- Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.080,00	883,52	1.008,85	81,81	87,58
2- Kim ngạch XNK	Triệu USD	43,43	31,40	37,12	72,31	84,59
3- SXKD thức ăn nuôi thủy sản						
Doanh thu	Tỷ đồng	24,00	24,151	22,451	100,63	107,57
Sản lượng SX :	Tấn	2.305,00	2.136,60	2.105,19	92,69	108,12
4- Doanh thu KD Kho vận, cho thuê nhà	Tỷ đồng	17,89	23,061	14,472	128,90	159,34
5- Lợi nhuận	Tỷ đồng	15,20	1,72	14,36	11,35	12,01

Công ty đã bắt đầu năm 2018 với kết quả khá tốt của năm 2017, dù ý thức không được chủ quan nhưng Công ty thực sự đã trải qua một năm 2018 với rất nhiều khó khăn, áp lực. Đặc biệt là trong mảng kinh doanh thủy sản chế biến-xuất khẩu và vật tư, doanh thu giảm hơn 10% so với năm trước, hiệu quả Công ty chưa đạt như mong muốn. Tuy nhiên, các lĩnh vực khác như dịch vụ kho vận, sản xuất-kinh doanh thức ăn nuôi thủy sản đã có một năm khá tốt.

Các mục tiêu trọng yếu của Công ty như doanh thu, kim ngạch xuất khẩu, lợi nhuận vẫn chưa đạt được so với kế hoạch đề ra. Kết quả này đòi hỏi đội ngũ quản lý Công ty phải có nhiều nghiên cứu điều chỉnh trong sản xuất để cải thiện hoạt động cho năm sau.

☑ Về quy mô hoạt động :

Tổng doanh thu thực hiện năm 2018 là 883,52 tỷ đồng, đạt được 80% kế hoạch ; Kim ngạch xuất nhập khẩu đạt xấp xỉ 75% kế hoạch (trong đó thực hiện xuất khẩu đạt 73,80 % so với kế hoạch và nhập khẩu đạt 83,47% so với kế hoạch), hoàn thành kế hoạch khấu hao (theo đúng quy định), kết quả lợi nhuận chỉ đạt 1,72 tỷ đồng (11,35% kế hoạch) – do năm 2018 Công ty phải dự phòng công nợ chậm thu khó đòi lớn (21,733 tỷ đồng) từ hoạt động kinh doanh bông sợi tại Đà Nẵng.

☑ Về hiệu quả kinh doanh :

Kết quả kinh doanh năm 2018 có hiệu quả khá tốt ở tất cả các lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty, trừ mảng vật tư bông sợi. Năm qua Công ty cũng có lợi nhuận lớn từ hoạt động bán cổ phiếu LHG.

Kinh doanh vật tư năm 2018 là hoạt động chỉ có tại Chi nhánh Tp HCM – có lãi, nhưng hiệu quả chung của lĩnh vực này lại bị ảnh hưởng nhiều từ công nợ của mảng kinh doanh vật tư bông sợi tại Công ty, cụ thể:

- Doanh thu hoạt động kinh doanh vật tư từ chi nhánh Tp HCM là 174 tỷ đồng (tăng hơn 10% so với kế hoạch năm. Năm 2018 là một năm biến động mạnh của giá hạt nhựa (mặt hàng kinh doanh chính của chi nhánh), rớt liên tục từ hơn 1.300 USD/tấn (PP) xuống còn 1.050 USD/tấn, các nhà nhập khẩu “bắt đáy” để nhập khẩu nhiều, tồn kho ở mức quá cao, nên việc bán ra với giá thấp là một áp lực thực sự lớn trong năm này; đến 31/12/2018 Chi nhánh Công ty tại Tp HCM không còn tồn kho hạt nhựa nên rủi ro tiềm ẩn tồn kho là không có.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		% Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	325.470.128.172	73,33%	353.443.953.479	80,85%	8,59%
Tài sản dài hạn	124.496.784.805	26,67%	83.697.984.607	19,15%	-32,77%
Tổng tài sản	449.966.912.977	100%	437.141.938.086	100,00%	-2,85%

Năm 2018 tổng tài sản giảm tương đương 2,85% so với năm trước, đạt 437 tỷ đồng. Trong đó tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn với 80,85% , tăng 8,59% so với năm 2017. Nguyên nhân của sự gia tăng tài sản ngắn hạn chủ yếu là do tiền mặt thu về trong năm tăng đáng kể. Theo ban giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ quá hạn là thấp vì các khoản nợ này đã tồn tại lâu và chưa thu hồi được. Trong năm công ty phải dự phòng công nợ chậm thu khó đòi lớn (21,733 tỷ đồng) từ hoạt động kinh doanh bông sợi tại Đà Nẵng.

Về tài sản dài hạn, trong năm qua giảm đáng kể, giảm đến 32,77%. Tài sản dài hạn giảm chủ yếu là do các khoản đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác, ngoài ra công ty còn đầu tư mua sắm thêm trang thiết bị.

Tình hình tài sản :

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		% Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	305.874.889.558	100%	289.813.601.533	97,07%	-5,25%
Nợ dài hạn	0	0%	8.747.080.000	2,93%	-
Nợ phải trả	305.874.889.558	100%	298.560.681.533	100,00%	-2,39%
Vốn chủ sở hữu	144.092.023.419	100%	138.581.256.553	-	-3,82%

Năm 2018 Nợ phải trả của Công ty thay đổi không đáng kể so với năm 2017, công ty có phát sinh nợ dài hạn tuy nhiên chiếm tỷ trọng rất nhỏ, chủ yếu vẫn sử dụng nợ ngắn hạn. Năm 2017, nợ ngắn hạn giảm so với năm trước là 5,25% đạt mức là 289,81 tỷ đồng nguyên nhân giảm là do các khoản phải trả người bán, phải trả người lao động, người mua trả tiền trước có sự giảm. Do trích quỹ khen thưởng và chi trả cổ tức tăng làm cho lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm, dẫn đến vốn chủ sở hữu giảm so với năm 2017.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Công ty vẫn hoạt động với cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý như đã đề ra.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TƯƠNG LAI

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2018 (kiểm toán)	KẾ HOẠCH 2019	% KH 2019 / TH 2018
1- Tổng doanh thu	Tỷ đồng	883,52	900,00	101,86
2- Kim ngạch XNK	Triệu USD	31,40	35,72	113,76
Xuất khẩu	Triệu USD	28,52	32,22	113,00
Nhập Khẩu	Triệu USD	2,89	3,50	121,24
3- SX-KD thức ăn nuôi TS				
Doanh thu	Tỷ đồng	24,15	26,00	107,66
Sản lượng SX :	Tấn	2.136,60	2.310,00	108,12
4- Doanh thu KD Kho vận, cho thuê nhà	Tỷ đồng	23,06	11,68	50,67
5- Khấu hao TSCĐ	Tỷ đồng	7,99	8,88	111,11
6- Lợi nhuận	Tỷ đồng	1,72	11,20	651,16



GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Ban giám đốc không có ý kiến giải trình thêm



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ⑤ Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- ⑤ Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- ⑤ Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị





ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Với Công ty, năm 2018 là một năm có nhiều khó khăn và áp lực lớn trong kinh doanh thủy sản chế biến- xuất khẩu. Không chỉ nằm trong vùng ảnh hưởng chung của Thủy sản Việt Nam, tình trạng thị trường xấu cũng bộc lộ nhiều vấn đề chưa ổn, bắt buộc phải thực hiện cải tiến và điều chỉnh, cũng như việc gánh vác chi phí tài chính cho lĩnh vực vật tư, nên hiệu quả Công ty chưa đạt như mong muốn. Tuy nhiên, các lĩnh vực khác như dịch vụ kho vận, sản xuất-kinh doanh thức ăn nuôi thủy sản đã có một năm khá tốt. Mặc dù vậy, năm 2018 thực sự là một năm thể hiện sự đoàn kết, cố gắng vượt khó của đội ngũ quản lý Công ty, có nhiều nghiên cứu điều chỉnh trong sản xuất để sẽ là tiền đề tốt cho năm sau.

Hội đồng quản trị cùng với Ban điều hành nhận thấy hoạt động nội bộ và hoạt động kinh doanh của công ty vẫn luôn được kiểm soát tốt, định hướng phù hợp với chuyển biến của ngành cũng như xu hướng của thị trường qua đó luôn đảm bảo được giá trị cốt lõi mà ban điều hành mang lại cho cổ đông.



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc có 04 thành viên, đã thực hiện việc phân công quản lý, điều hành và chịu trách nhiệm trực tiếp ở lĩnh vực hoạt động của Công ty. Công tác quản lý nhân sự, quản lý tài chính, quản lý hệ thống máy móc thiết bị của Công ty, quản lý dự án đầu tư, cùng hệ thống quản lý chất lượng... đang phải đáp ứng khối lượng ngày càng nhiều hơn do các yêu cầu nâng cao của khách hàng, thị trường, cùng các tiêu chuẩn quốc tế... là các mảng hoạt động giúp cho kết quả kinh doanh ổn định, và đang được chú trọng nâng cấp quản lý dần dần. Thành viên Ban Tổng Giám đốc là những người được đào tạo, có trình độ cao, có đạo đức tốt, luôn đặt lợi ích của tập thể lên hàng đầu, không ngừng nỗ lực hết mình để hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Dưới sự điều hành của Tổng Giám Đốc bộ máy hoạt động của Seadanang được vận hành liên tục, hiệu quả. Hội đồng quản trị đánh giá rất cao sự cống hiến của Ban giám đốc trong việc điều hành công ty, cũng như tham mưu cho HĐQT thông qua công tác đưa ra các giải pháp điều hành hoạt động trong năm một cách phù hợp nhằm tạo môi trường làm việc tốt nhất. Mặc dù đã cố gắng rất nhiều song vẫn không tránh khỏi những tổn động, thiếu sót làm quá trình tăng trưởng của công ty bị chậm lại. Ban Tổng Giám đốc luôn nhận thức được cơ hội và thách thức của Công ty, linh hoạt trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh, ý thức hoàn thiện công tác quản lý và quản trị Công ty thông qua việc ban hành những qui định quản lý nội bộ, nâng cao tính kỷ luật trong Công ty nhằm phòng ngừa và hạn chế rủi ro ở nhiều mặt hoạt động.

Nhìn chung, môi trường kinh doanh ở các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty trong thời gian những năm gần đây (thủy sản, kinh doanh vật tư nhập khẩu) đều có những khó khăn nhất định. Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nghiêm túc và tinh thần trách nhiệm cống hiến hết mình trong công việc của Ban điều hành. Các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc đã thực sự cố gắng được một năm làm việc hiệu quả, thành công và mong rằng kết quả này sẽ được duy trì trong những năm tiếp theo.





ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty đã trải qua một năm 2018 khá vất vả, các rào cản thương mại và tình trạng quản lý vùng nuôi tôm đang phụ thuộc lớn vào ý thức người nông dân như ở Việt Nam cũng đã gây khó khăn lớn cho Công ty, Công ty đã phải nỗ lực nhiều trong thời gian qua để chấn chỉnh nhiều vấn đề trong quản lý chất lượng và tổ chức kiểm soát sản xuất cho phù hợp ...

Công ty chưa có vùng nuôi, chưa đáp ứng tốt nhu cầu chế biến hàng GTGT, chưa có hạ tầng tốt cho việc mở rộng sản xuất phù hợp với các điều kiện của thị trường, năng lực tài chính vẫn tiềm ẩn rủi ro... Những thực tế này, cùng với kế hoạch đặt ra cho 2019 dù chưa phải là cao, nhưng được xây dựng trên sự đánh giá thận trọng và quyết tâm của Công ty, sẽ tập trung cho các giải pháp sau:

- Năm 2019, định hướng hoạt động chính vẫn là thủy sản, ổn định sản xuất, phát triển thêm các thị trường xuất khẩu, được cấp giấy chứng nhận ASC.
- Phát triển thị trường thức ăn thủy sản của Công ty Phát triển Nguồn lợi thủy sản.
- Duy trì dịch vụ cho thuê kho lạnh của Công ty lạnh.
- Tích cực thu hồi nợ; đảm bảo vốn cho hoạt động của Công ty.
- Thoái vốn tại NCS;
- Xem xét tái đầu tư máy móc thiết bị tại Công ty và khả năng tăng công suất chế biến thủy sản của Công ty.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



SPD
Aquaculture & Fisheries



GIÁ TRỊ KINH TẾ

Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung hình thành và phát triển trên cơ sở dân chủ, bình đẳng, tự nguyện các cổ đông cùng nhau góp vốn cùng chia sẻ lợi nhuận. Cho đến thời điểm hiện nay, các mục tiêu kinh tế đặt ra đều được Ban Điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên trong Công ty phối hợp triển khai thực hiện quyết liệt với tinh thần đầy trách nhiệm. Kết quả hoạt động năm 2018 cho thấy SPD vẫn đảm bảo được thu nhập và việc làm cho người lao động, các chính sách đối với đối tượng này được thực hiện đầy đủ và có sự cam kết dài lâu, tiếp tục duy trì được sự phát triển bền vững của Công ty nhưng cũng tuân thủ đúng các quy định đối với Nhà nước. SPD luôn ý thức cố gắng hoạt động để có thể góp phần tăng thu ngân sách tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế Tp.Đà Nẵng và cả nước.

Những năm qua, Công ty luôn hoàn thành nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao phó. Năm 2018, kết quả kinh doanh có sự tăng trưởng đáng kể, việc trả cổ tức mỗi năm đều được xem xét trên tinh thần vì sự phát triển trong tương lai của Công ty và trên hết là hướng đến gia tăng lợi ích cho cổ đông và luôn tuân thủ các nghĩa vụ thuế theo quy định pháp luật.

Tiêu chí	Giá trị mang lại trong năm 2018
Kết quả hoạt động	Doanh thu thuần: 868,408 tỷ đồng; LNST: 1,72 tỷ đồng
Cổ đông	Hoàn thành chi trả cổ tức năm 2018 với tỷ lệ 5%/VĐL
Nộp ngân sách	Tổng khoản nộp ngân sách bằng 42,08 tỷ đồng
Người lao động	Mức lương bình quân 2018 là 8 triệu đồng/người/tháng



ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Ảnh hưởng của ngành chế biến thủy sản đến môi trường có sự khác nhau đáng kể, không chỉ phụ thuộc vào loại hình chế biến, mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như quy mô sản xuất, sản phẩm, nguyên liệu đầu vào, mùa vụ, trình độ công nghệ sản xuất, trình độ tổ chức quản lý sản xuất.... Trong đó yếu tố kỹ thuật, công nghệ và tổ chức quản lý sản xuất có ảnh hưởng quyết định đến vấn đề bảo vệ môi trường của từng doanh nghiệp. Một số tác động đặc trưng đến môi trường là ô nhiễm không khí, ô nhiễm nước vì nguồn nước thải trong sản xuất, chế biến thủy sản nếu không được xử lý thích hợp sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường. Vì thế, SPD luôn ý thức trong việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, xem trọng các công tác xử lý chất thải và bảo vệ môi trường cũng như công tác phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát phát sinh gây ô nhiễm luôn được Seadanang chú trọng. Việc ứng dụng khoa học và công nghệ vào xử lý chất thải luôn Công ty cân nhắc và triển khai thực hiện.



SPD
Aquaculture & Fisheries



ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG THỰC PHẨM

Việc nâng cao chất lượng thực phẩm là một trong những điều kiện cần thiết để các doanh nghiệp ngành sản xuất, chế biến thực phẩm có thể cạnh tranh và phát triển bền vững. Điều đó được thể hiện qua rất nhiều khía cạnh như: chất lượng nguồn nguyên liệu, vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất,... Đây là cả một chuỗi quá trình cho đến khi sản phẩm đến tay khách hàng, khi một trong những yếu tố này không đạt yêu cầu sẽ ảnh hưởng đến chất lượng chung của sản phẩm. Hiểu được điều đó, Công ty đã có những thay đổi về cơ sở và điều kiện sản xuất, kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên liệu đầu vào và cả trong quá trình sản xuất,... Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên tham gia tập huấn về kiến thức đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản.



ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Với sự tăng trưởng trong nhiều năm qua, Công ty đã tạo rất nhiều công ăn việc làm, thu nhập ổn định cho đội ngũ cán bộ công nhân viên. Công ty liên tục áp dụng các giải pháp cải tiến cả về việc làm và thu nhập, chủ động điều chỉnh đơn giá lương trước một bước để mang tính cạnh tranh hơn, điều chỉnh các chính sách thưởng, khuyến khích lao động chuyên cần, từng bước điều chỉnh giờ làm việc, điều chỉnh phúc lợi. Chính sách lao động hợp lý đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi nên đem đến sự phấn chấn cho người lao động. Tương lai, Công ty sẽ tiếp tục theo đuổi chính sách này, chung tay cùng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đất nước, cải thiện đời sống của người dân lao động. Ngoài ra, công ty luôn có kế hoạch đào tạo nhân sự, nâng cao chất lượng của lao động thông qua việc đào tạo, phát triển nhân viên, không ngừng nâng cao năng lực quản trị, năng lực thi công sản xuất nhằm nâng cao hơn nữa tay nghề, kỹ thuật trong công việc.



ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI

Sự phát triển lâu dài của một doanh nghiệp dựa trên nền tảng của một cộng đồng bền vững, ổn định và thịnh vượng. Chúng tôi hiểu rằng sự hiện diện của công ty tạo nên những tác động nhất định về kinh tế, môi trường xã hội đối với cộng đồng tại Đà Nẵng nói riêng và cả nước nói chung. Seadanang cam kết tạo nên những giá trị cuộc sống trọn vẹn hơn thông qua các chương trình hỗ trợ và phát triển cộng đồng. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện nhiều hoạt động thiết thực, có ý nghĩa hơn nữa để đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng, xã hội.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ③ Hội đồng quản trị
- ③ Ban kiểm soát
- ③ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các tiểu ban thuộc HĐQT

Với quy mô hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban, mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ phụ trách một mảng hoạt động theo phân công của Hội đồng quản trị theo từng thời kỳ.

Hoạt động của HĐQT

Các phiên họp của Hội đồng quản trị trong năm 2018:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Mạnh Thường	Chủ tịch	19/21	90,48%	Vắng có ủy quyền
2	Ông Trần Mạnh Hữu	Phó CT	2/21	9,52%	TV HDDQT từ 26/12/2018
3	Ông Lê Vinh Hòa	Thành viên	2/21	9,52%	TV HDDQT từ 26/12/2018
4	Bà Trần Như Thiên Mỹ	Thành viên	21/21	100,00%	
5	Ông Đỗ Văn Sinh	Thành viên	16/21	76,19%	TV HDQT từ 30/03/2018
6	Ông Thái Bá Nam	Chủ tịch	14/21	66,67%	Thôi TV HDQT từ 16/10/2018
7	Ông Nguyễn Văn Tàn	Thành viên	14/21	66,67%	Thôi TV HDQT từ 16/10/2018



Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2018

STT	Số Nghị quyết	Ngày phát hành	Nội dung
1	01-A,B,C/2018/NQ-HĐQT	09/01/2018	<p>01A :</p> <p>Cử người đại diện vốn/ tham dự Đại hội cổ đông thường niên/ tham gia HĐQT tại Công ty CP đầu tư New City Seadanang</p> <p>01B:</p> <p>Xử lý công nợ khó đòi; trích tăng đơn giá lương sản phẩm SX-XK năm 2017</p> <p>01C:</p> <p>“Nhận được đơn từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung của ông Ngô Trí Dũng”</p>
2	02-A,B,C,D,E,E,G /2018/NQ-HĐQT	28/02/2017	<p>02A:</p> <p>Bổ nhiệm nhân sự cấp quản lý Công ty</p> <p>02B:</p> <p>Phê duyệt giao kế hoạch và đơn giá lương năm 2018 cho Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung</p> <p>02C:</p> <p>Công nhận danh hiệu “Lao động giỏi năm 2017”, cho phép nhận đủ lương sau khi Công ty hoàn thành kế hoạch 2017, trích lương hiệu quả để thưởng cho các đối tượng theo nghị quyết của Hội đồng quản trị</p> <p>02D:</p> <p>Chỉ đạo của Hội đồng quản trị về công tác điều hành</p> <p>02E:</p> <p>Phê duyệt thời gian chốt danh sách để thực hiện quyền tham dự Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty</p> <p>02F:</p> <p>Thông qua Quy chế người đại diện vốn góp của CTCP XNK Thủy sản Miền Trung tại các công ty khác</p> <p>02G:</p> <p>Phân bổ thưởng vượt kế hoạch của HĐQT và phân bổ thù lao còn lại của HĐQT và BKS</p>
3	03A,B,C/2018/NQ-HĐQT	10/03/2018	<p>03A:</p> <p>Phê duyệt dự án đầu tư IQF 750kg/h, tái đông 900kg/h, dàn ngưng, máy nén và nâng cấp hệ thống lạnh của Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung</p> <p>03B:</p> <p>Chỉ đạo công tác điều hành</p> <p>03C:</p> <p>Thông qua tài liệu chuẩn bị cho phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung</p>

STT	Số Nghị quyết	Ngày phát hành	Nội dung
4	04/2018/NQ-HĐQT	07/04/2018	Thông qua dự thảo Hợp đồng thuê nhà tại 166 Nguyễn Công Trứ, HCM
5	05/2018/NQ-HĐQT	23/04/2018	05A: Thông qua việc cho thuê nhà tại 166 NCT, HCM 05B: Thông qua việc chi trả cổ tức 2017 05C: Hòa giải để giải quyết vụ kiện Inox Hòa Bình
6	06A,B,C,D/2018/NQ-HĐQT	05/05/2018	06A: Ban hành quy chế nâng lương 06B: Ban hành quy chế trả lương 06C: Phê duyệt lương BĐH, vị trí chủ chốt 06D: Chủ trương bán đất kho Q8, HCM 06E: Chỉ đạo công tác điều hành. Thống nhất chủ trương thoái vốn An Phú, NCS. Chọn thời điểm bán CP Long Hậu để tối đa hóa lợi nhuận. Chọn RSM là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2018
7	07A,B,C/2018/NQ-HĐQT	25/05/2018	07A: Thành lập 2 chi nhánh chế biến - XK thủy sản 07B: Thông qua quy chế quản trị Công ty 07C: Thông qua phương án chuyển nhượng kho Q8
8	08A,B,C/2018/NQ-HĐQT	01/06/2018	08A: Thoái vốn, ko tham gia tăng vốn điều lệ tại An Phú 08B: Lùi ngày chi trả cổ tức 08C: Xử lý công nợ khó đòi
9	09/2018/NQ-HĐQT	09/06/2018	Chuyển CP tại An Phú
10	10/2018/NQ-HĐQT	25/07/2018	10B: Chỉ đạo của Hội đồng quản trị về công tác điều hành. Giải quyết công nợ. Công nợ Quốc Quốc Trung. Mua CP Quỹ Inox Hòa Bình. Gửi CV cho NCS 10A: Thành lập 2 chi nhánh chế biến - XK thủy sản (sửa lại)

STT	Số Nghị quyết	Ngày phát hành	Nội dung
11	11/2018/NQ-HĐQT	04/09/2018	Vay vốn tại Agribank
12	12A,B,C/2018-NQ-HĐQT	11/09/2018	12A: Bầu thay thế CT HĐQT 12B: Thẩm định nhà 166 NCT và 263 PCT 12C: Chỉ đạo công tác điều hành Tiếp tục bán đấu giá kho Q8 Rà soát Quy chế đầu tư
13	13/2018/NQ-HĐQT	13/09/2018	Mua xe oto và thế chấp tại Vietinbak
14	14A,B/2018/NQ-HĐQT	08/10/2018	14A: Chuyển nhượng tài sản nhà 166 NCT và 263 PCT 14B: Công nợ ĐQ, 3GR
15	15A,B/2018/NQ-HĐQT	05/11/2018	15A: Ký HĐLD cho Ban TGD và KTT Cty 15B: Tổ chức ĐHCĐBT
16	16A,B/2018/NQ-HĐQT	15/11/2018	16A: Vay vốn tại Vietinbank 16B: Vay vốn tại Vietcombank
17	17/2018/NQ-HDQT	14/11/2018	Bổ sung điều khoản rủi ro trong HĐ mua bán kho Q8
18	18A,B/2018/NQ-HĐQT	22/11/2018	18A: Tăng đơn giá lương sản phẩm Cty năm 2018 18B: Thông qua TL hợp DHCDBT 2018
19	19A/2018/NQ-HDQT	10/12/2018	Điều chỉnh giảm đơn giá lương 2018
20	19/2018/NQ-HĐQT	26/12/2018	Bầu Phó CT HDQT
21	20A,B/2018/NQ-HDQT	31/12/2018	20A: Loại khỏi tài sản để theo dõi ngoại bán công nợ khó đòi đủ điều kiện xử lý 20B Mua sắm máy phân cỡ tôm 16 trục



BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu /không còn là thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Bà Phạm Khánh Tâm	Trưởng Ban	Trưởng Ban kiểm soát từ ngày 30/03/2018	4/4	100%
2	Bà Phạm Thị Phương	Thành viên	Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 30/03/2018	4/4	100%
3	Ông Trần Phước Thái	Thành viên	Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 20/05/2017	4/4	100%

Hoạt động của ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung gồm 3 thành viên nhằm thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị điều hành của Công ty theo thẩm quyền. Hoạt động của Ban kiểm soát tiến hành một cách chủ động theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Nhiệm vụ năm 2018 Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp theo định kỳ nhằm thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, thực hiện trao đổi, kiểm tra giám sát đối với hoạt động của Công ty như sau:

- Kiểm tra báo cáo tài chính quý và cả năm;
- Kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp và trung thực trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong việc ghi chép và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế trên sổ sách kế toán, báo cáo tài chính;
- Thống nhất với Hội đồng quản trị việc lựa chọn đơn vị thực hiện báo cáo kiểm toán tài chính cho năm tài chính 2018;
- Đề xuất các kiến nghị cụ thể để công ty kịp thời điều chỉnh trong hoạt động;
- Theo dõi, kiểm tra và giám sát hoạt động của ban điều hành khi thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO, VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao
I	Hội đồng quản trị		330.000.000
1	Lê Mạnh Thường	Chủ tịch HĐQT từ quý IV/2018	78.000.000
2	Thái Bá Nam	Chủ tịch HĐQT đến hết quý III/2018	72.000.000
3	Nguyễn Văn Tàn	TV HĐQT đến hết quý III/2018	54.000.000
4	Trần Như Thiên My	TV HĐQT kiêm TGĐ	72.000.000
5	Đỗ Văn Sinh	TV HĐQT từ 30/03/2018	54.000.000
II	Ban Kiểm soát		86.400.000
1	Phạm Khánh Tâm	Trưởng BKS từ 30/03/2018	36.000.000
2	Trần Phước Thái	TV BKS	28.800.000
3	Phạm Thị Phương	TV BKS từ 30/03/2018	21.600.000
III	Cộng		416.400.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Không có.

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Không có.

Việc thực hiện quy định về quản trị công ty

Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ tốt về quản trị công ty để áp dụng sao cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH



SPD
Aquaculture & Fisheries

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
THỦY SẢN MIỀN TRUNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 44

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Mạnh Thường	Chủ tịch
Ông Trần Mạnh Hữu	Phó chủ tịch
Ông Lê Vĩnh Hòa	Thành viên
Bà Trần Như Thiên My	Thành viên
Ông Đỗ Văn Sinh	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phạm Khánh Tâm	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Phương	Thành viên
Ông Trần Phước Thái	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Trần Như Thiên My	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Chánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Văn Sinh	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Miền Trung, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc


Trần Như Thiên My
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 10 tháng 01 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng quản trị**
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10/01/2019 từ trang 5 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Như Thiên Mỹ
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 10 tháng 01 năm 2019

Lê Thanh Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ánh Hà
Người lập

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Chi nhánh Miền Trung
Đà Nẵng, ngày 15 tháng 02 năm 2019

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		353.443.953.479	325.470.128.172
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	103.343.514.739	29.172.826.905
1. Tiền	111		102.079.021.588	29.172.826.905
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.264.493.151	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		98.976.339.264	130.248.030.443
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	169.693.139.467	176.252.443.262
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	726.827.233	264.659.417
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.5	-	6.745.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.6	364.548.209	274.061.565
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.7	(71.808.175.645)	(53.288.133.801)
IV. Hàng tồn kho	140	4.8	147.348.136.455	164.623.356.935
1. Hàng tồn kho	141		147.348.136.455	164.623.356.935
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.775.963.021	1.425.913.889
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.12	55.631.182	86.117.500
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.471.556.872	1.333.740.776
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.15	248.774.967	6.055.613
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		83.697.984.607	124.496.784.805
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		46.678.683.126	31.835.282.088
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	43.818.208.086	28.974.807.048
Nguyên giá	222		200.229.989.880	184.196.723.596
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(156.411.781.794)	(155.221.916.548)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.11	2.860.475.040	2.860.475.040
Nguyên giá	228		5.062.374.111	5.062.374.111
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.201.899.071)	(2.201.899.071)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	40.864.255
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.9	-	40.864.255
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	37.019.301.481	92.480.183.862
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.519.301.481	62.480.183.862
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		500.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	140.454.600
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.12	-	140.454.600
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		437.141.938.086	449.966.912.977

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

5

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		298.560.681.533	305.874.889.558
I. Nợ ngắn hạn	310		289.813.601.533	305.874.889.558
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	48.104.284.172	10.898.799.343
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.14	87.314.052	106.578.842
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.15	30.731.985	314.203.992
4. Phải trả người lao động	314		8.811.497.222	10.919.254.059
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.16	1.042.720.962	522.946.293
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.18	100.000.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	2.659.956.748	2.283.307.874
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.19	227.486.693.056	279.860.641.889
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.490.403.336	969.157.266
II. Nợ dài hạn	330		8.747.080.000	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.19	8.747.080.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		138.581.256.553	144.092.023.419
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.20	138.581.256.553	144.092.023.419
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(101.650.000)	(101.650.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.388.233.760	11.388.233.760
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.294.672.793	12.805.439.659
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		5.569.770.654	448.749.607
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.724.902.139	12.356.690.052
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		437.141.938.086	449.966.912.977



Trần Như Thiên My
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 10 tháng 01 năm 2019

Lê Thanh Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ánh Hà
Người lập

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

6

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	873.416.451.773	998.601.796.960
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	5.007.788.646	4.678.417.038
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		868.408.663.127	993.923.379.922
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	796.424.855.637	919.131.803.632
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		71.983.807.490	74.791.576.290
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	14.381.033.340	14.350.898.829
7. Chi phí tài chính	22	5.5	17.324.935.363	13.044.569.201
Trong đó, chi phí lãi vay	23		15.175.893.922	12.590.167.841
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	13.792.415.195	13.361.107.136
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	54.197.997.221	48.867.122.162
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.049.493.051	13.869.676.620
11. Thu nhập khác	31	5.8	733.828.907	563.901.503
12. Chi phí khác	32	5.9	58.419.819	69.582.732
13. Lợi nhuận khác	40		675.409.088	494.318.771
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.724.902.139	14.363.995.391
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	-	2.007.305.339
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.724.902.139	12.356.690.052
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.20.5	144	927
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.20.6	144	927



Trần Như Thiên My
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 10 tháng 01 năm 2019

Lê Thanh Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ánh Hà
Người lập

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

7

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		879.778.126.078	989.146.148.129
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(742.284.551.613)	(867.180.474.105)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(70.353.773.506)	(59.820.012.155)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(15.184.098.491)	(12.556.879.931)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(239.498.243)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		42.263.831.037	11.840.665.254
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(13.677.378.579)	(18.097.054.430)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		80.302.656.683	43.332.392.762
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(22.884.292.865)	(6.054.942.760)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		555.000.000	82.272.727
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(500.000.000)	(8.245.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.745.000.000	1.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(39.703.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		55.960.882.381	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.583.987.780	1.971.941.533
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		43.460.577.296	(50.448.728.500)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	704.254.426.865	818.327.785.847
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(747.584.775.103)	(803.777.887.006)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.953.693.200)	(6.028.969.555)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(49.284.041.438)	8.520.929.286
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		74.479.192.541	1.404.593.548
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		29.172.826.905	27.664.167.845
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(308.504.707)	104.065.512
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		103.343.514.739	29.172.826.905



Trần Như Thiên My
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 10 tháng 01 năm 2019

Lê Thanh Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ánh Hà
Người lập

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

8

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung theo Quyết định số 774/QĐ - BTS ngày 28/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400100778 ngày 14/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 18 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 08/03/2017.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 120.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam	Việt Nam	43.675.380.000	36%	43.675.380.000	36%
Các đối tượng khác	Việt Nam	76.324.620.000	64%	76.324.620.000	64%
Cộng		120.000.000.000	100%	120.000.000.000	100%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là: 714 (01 tháng 01 năm 2018 là: 584).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, sản xuất và chế biến thủy hải sản.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy sản: Chế biến thủy, hải sản xuất khẩu;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi chở xuống);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán ô tô, xe máy;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, xe máy;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Đầu tư tài chính;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh bất động sản; Cho thuê kho; Cho thuê nhà và văn phòng.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 01 công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty CP Đầu tư New City Seadanang	31 31 Ngũ Hành Sơn, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng	33,33%	33,33%	33,33%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2018 gồm:

Tên	Địa chỉ
Công ty Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Thọ Quang	Khu công nghiệp Đà Nẵng - Phường Thọ Quang, Sơn Trà, Đà Nẵng
Công ty Phát triển Nguồn lợi Thủy sản	Lô 7A - Khu công nghiệp Điện Nam Điện Ngọc - Quảng Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung tại Thành phố Hồ Chí Minh	166 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1. Ngoại tệ**

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

3.4. Đầu tư tài chính***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác***Đầu tư vào công ty liên kết***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính***Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn***

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228), Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228), Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tính hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cũng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2018	
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25	năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 12	năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 07	năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06	năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất diện tích đất tại phường 6, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam trong 7 năm, diện tích 3078 m².
- Giá trị quyền sử dụng đất 261-263 Phan Châu Trinh, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, Đà Nẵng, Việt Nam, diện tích 301,2 m².

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.11. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.12. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí lãi vay, chi phí vận chuyển chưa có hóa đơn và chi phí hỗ trợ đạt doanh số và các chi phí phải trả khác. Chi phí lãi vay được xác định theo số nợ gốc còn lại cho số ngày chưa tính lãi và lãi suất quy định. Chi phí hỗ trợ đạt doanh số được xác định dựa trên doanh số bán hàng đạt được của từng đại lý. Chi phí vận chuyển được xác định theo bảng kê chi phí vận chuyển có xác nhận giữa hai bên.

3.13. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

3.16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.18. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và lỗ chênh lệch tỷ giá.

3.19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.20. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và các mức thuế suất tính thuế TNDN như sau:

- Áp dụng mức thuế suất 15% đối với thu nhập từ chế biến trong lĩnh vực thủy sản;
- Áp dụng mức thuế suất 20% đối với các thu nhập khác.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Áp dụng mức thuế suất 0% đối với hoạt động xuất khẩu;
- Áp dụng mức thuế suất 5% đối với hoạt động bán hải sản trong nước;
- Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động mua bán vật tư và cho thuê kho;
- Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.23. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.24. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
Tiền mặt tại quỹ		281.971.535		89.416.685
VND		281.971.535		89.416.685
Tiền gửi ngân hàng		96.010.859.553		29.083.410.220
+ VND		39.738.123.547		23.270.414.999
+ USD	2.431.085,29 #	56.272.736.006	256.435,77 #	5.812.995.221
Tiền đang chuyển		5.786.190.500		-
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		1.264.493.151		-
Cộng		103.343.514.739		29.172.826.905

Số dư tiền gửi có kỳ hạn đang được cầm cố tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng để đảm bảo cho các nghĩa vụ thanh toán.

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Dài hạn:				
Trái phiếu ICB	500.000.000	500.000.000	-	-
Cộng	500.000.000	500.000.000	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết				
Công ty CP Đầu tư New City Seadanang	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Cộng	30.000.000.000		30.000.000.000	
Đầu tư vào đơn vị khác				
NH TMCP XNK Việt Nam (EIB) (8 cổ phiếu)	73.040	-	77.867.661	107.879.200
Công ty CP Long Hậu (LHG) (423.750 cổ phiếu)	6.519.228.441	7.860.562.500	37.402.316.201	41.327.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển BĐS An Phú	-	-	25.000.000.000	-
Cộng	6.519.301.481		62.480.183.862	

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty CP Long Hậu và Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư New City Seadanang để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng là bên liên quan - xem thêm mục 8	-	20.757.647
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân	19.480.435.650	23.980.435.650
- Công ty CP Inox Hòa Bình	32.130.416.195	32.130.416.195
- Marubeni Corporation Co., Ltd	14.559.586.140	11.076.341.303
- Kyokyo Co., Ltd	3.802.051.000	17.092.048.206
- Công ty CP Đầu tư 3GR	23.986.810.400	23.986.810.400
- Công ty CP Thép Vạn Thành	26.180.590.954	121.613.761
- Các đối tượng khác	49.553.249.128	67.844.020.100
Cộng	169.693.139.467	176.252.443.262

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng	325.000.000	-
Công ty TNHH phần mềm Fast	75.900.000	-
Công ty Cổ phần Seatecco	91.710.850	-
Các đối tượng khác	234.216.383	264.659.417
Cộng	726.827.233	264.659.417

4.5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công ty CP ĐT và PT BĐS An Phú - Nha Trang	-	6.745.000.000
Cộng	-	6.745.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	129.964.021	-	28.026.517	-
Thuế nhập khẩu 275 ngày	30.731.985	-	61.463.974	-
Chi phí liên quan đến Tòa án	95.000.000	-	110.545.232	-
Phải thu khác	108.852.203	-	74.025.842	-
Cộng	364.548.209	-	274.061.565	-

4.7. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn quá hạn thanh toán	93.541.798.670	21.733.623.025	53.397.033.701	108.899.900
Cộng	93.541.798.670	21.733.623.025	53.397.033.701	108.899.900

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì các khoản nợ này đã tồn tại lâu và chưa thu hồi được; các khoản công nợ dưới 3 năm khả năng thu hồi nợ phải thu là cao vì Công ty vẫn đang giao dịch với các khách hàng này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Inox Đại Phát	2.228.000.000	-	2.248.000.000	-
Công ty CP Inox Hòa Bình	32.130.416.195	-	32.130.416.195	-
Công ty TNHH Hà Đức	3.812.860.589	-	3.812.860.589	-
Công ty CP Sản xuất Phú Lâm	9.994.961.290	-	9.994.961.290	-
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Đức Quân	19.480.435.650	9.740.217.825	-	-
Công ty CP Đầu tư 3GR	23.986.810.400	11.993.405.200	-	-
Công ty TNHH Giấy Quốc Trung	-	-	464.679.060	-
Công ty TNHH SX-TM DV Nguyễn Phương	-	-	217.799.800	-
Seatraco Co.,Ltd	1.908.314.546	-	1.540.050.033	-
Các đối tượng khác	-	-	2.988.266.734	-
Cộng	93.541.798.670	21.733.623.025	53.397.033.701	108.899.900

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.013.260.981	-	7.904.086.579	-
Công cụ, dụng cụ	173.055.619	-	109.843.080	-
Chi phí SX, KD dở dang	138.574.761.685	-	156.053.658.261	-
Thành phẩm	587.058.170	-	251.881.740	-
Hàng hóa	-	-	303.887.275	-
Cộng	147.348.136.455	-	164.623.356.935	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại thời điểm cuối năm là 138.574.761.685 đồng.

4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
	VND	VND
Chi phí mở rộng khu tiếp nhận	-	40.864.255
Cộng	-	40.864.255

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2018	71.271.300.063	108.025.819.882	3.683.773.030	1.215.830.621	184.196.723.596
Mua trong năm	219.845.000	20.577.752.376	1.333.818.182	-	22.131.415.558
Đ/tư XDCB h/thành	793.741.562	-	-	-	793.741.562
Thanh lý, nhượng bán	(202.557.200)	(5.596.563.908)	(947.662.200)	(145.107.528)	(6.891.890.836)
Tại ngày 31/12/2018	72.082.329.425	123.007.008.350	4.069.929.012	1.070.723.093	200.229.989.880
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2018	54.421.227.722	96.330.398.619	3.671.606.365	798.683.842	155.221.916.548
Khấu hao trong năm	3.299.422.779	4.420.619.751	94.517.675	179.062.933	7.993.623.138
Thanh lý, nhượng bán	(174.424.256)	(5.536.563.908)	(947.662.200)	(145.107.528)	(6.803.757.892)
Tại ngày 31/12/2018	57.546.226.245	95.214.454.462	2.818.461.840	832.639.247	156.411.781.794
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2018	16.850.072.341	11.695.421.263	12.166.665	417.146.779	28.974.807.048
Tại ngày 31/12/2018	14.536.103.180	27.792.553.888	1.251.467.172	238.083.846	43.818.208.086

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 25.133.180.412 đồng.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 124.276.404.502 đồng.

Không có TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2018	5.062.374.111	5.062.374.111
Mua trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2018	5.062.374.111	5.062.374.111
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2018	2.201.899.071	2.201.899.071
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2018	2.201.899.071	2.201.899.071
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2018	2.860.475.040	2.860.475.040
Tại ngày 31/12/2018	2.860.475.040	2.860.475.040

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 2.277.072.540 đồng.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.201.899.071 đồng.

4.12. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí thuê đất	-	12.000.000
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	22.137.500
Chi phí in lịch	55.631.182	51.980.000
Cộng	55.631.182	86.117.500
Dài hạn:		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	140.454.600
Cộng	-	140.454.600

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Nhựa ABC	268.056.168	268.056.168	593.368.534	593.368.534
Công ty CP Đông Á	845.364.520	845.364.520	1.011.222.960	1.011.222.960
Marubeni Corporation Co.,Ltd	-	-	1.362.176.164	1.362.176.164
Cochin Frozen Food Exports PVT.Ltd	-	-	4.562.096.040	4.562.096.040
Busthan Al Wathaniya	4.895.397.000	4.895.397.000	-	-
Hari Marine PVT.Ltd	4.917.991.140	4.917.991.140	-	-
Sabri Food Products Private	18.644.349.600	18.644.349.600	-	-
Crystal Seafoods Private Limited	4.743.765.216	4.743.765.216	-	-
Phải trả khác	13.789.360.528	13.789.360.528	3.369.935.645	3.369.935.645
Cộng	48.104.284.172	48.104.284.172	10.898.799.343	10.898.799.343

4.14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
	VND	VND
Công ty TNHH Golden Ship Việt Nam	70.000.000	70.000.000
Các đối tượng khác	17.314.052	36.578.842
Cộng	87.314.052	106.578.842

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.15. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2018		Trong năm		Tại ngày 31/12/2018	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT đầu ra	-	-	31.850.450.921	31.850.450.921	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	6.682.333.749	6.682.333.749	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	30.731.985	177.563.815	177.563.815	-	30.731.985
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.055.613	-	-	239.498.243	245.553.856	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	283.472.007	655.885.194	942.578.312	3.221.111	-
Thuế tài nguyên	-	-	78.845.480	78.845.480	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	2.106.310.342	2.106.310.342	-	-
Các loại thuế khác	-	-	7.000.000	7.000.000	-	-
Cộng	6.055.613	314.203.992	41.558.389.501	42.084.580.862	248.774.967	30.731.985

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Lãi vay dự trả	174.595.431	182.800.000
Trích trước phí kiểm toán	55.000.000	55.000.000
Trích trước cước vận chuyển xuất hàng, hàng NL nội địa	171.929.450	69.766.700
Trích trước phí bán Cổ phiếu LHG	11.455.381	-
Phí xử lý nước thải	50.904.000	-
Tiền thuê đất	262.428.828	-
Chi phí hỗ trợ doanh số	18.142.677	89.926.593
Chi trợ cấp thôi việc, phí kiểm mẫu	298.265.195	125.453.000
Cộng	1.042.720.962	522.946.293

4.17. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Kinh phí công đoàn	540.906.167	516.590.067
Bảo hiểm xã hội, y tế	19.255.111	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	295.021.415	248.714.615
Công ty Phú Lâm	1.000.000.000	1.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	594.000.000	280.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	210.774.055	238.003.192
Cộng	2.659.956.748	2.283.307.874

4.18. Doanh thu chưa thực hiện

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Doanh thu nhận trước cho thuê nhà	100.000.000	-
Cộng	100.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.19. Vay và nợ thuê tài chính

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Trong năm VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
	Giá trị	Tăng	Giảm
	Số có khả năng trả nợ		Số có khả năng trả nợ
- Vay ngắn hạn (VND)	153.027.188.775	464.205.526.014	543.501.721.058
+ Ngân hàng TM CP Công thương VN	61.049.409.148	187.034.239.998	174.645.518.528
- CN Ngũ Hành Sơn	36.529.385.990	136.618.446.753	67.950.290.059
+ Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam	55.448.393.637	140.552.839.263	200.816.851.708
- CN Đà Nẵng	74.183.504.281	230.959.820.851	204.313.574.640
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	29.982.460.753	73.122.032.170	57.068.825.495
- CN Đà Nẵng	26.553.732.415	90.359.403.076	84.719.190.905
+ Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam	17.647.311.113	67.478.385.605	62.525.558.240
- CN Đà Nẵng	276.000.000	276.000.000	-
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	276.000.000	276.000.000	-
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-
+ Ngân hàng TM CP Công thương VN	-	-	-
- CN Ngũ Hành Sơn	-	-	-
Cộng	227.486.693.056	695.441.346.865	747.815.295.698
- Vay dài hạn	8.747.080.000	9.089.080.000	342.000.000
+ Ngân hàng TM CP Công thương VN	8.747.080.000	9.089.080.000	342.000.000
- CN Ngũ Hành Sơn	-	-	-
Cộng	8.747.080.000	9.089.080.000	342.000.000
Tổng cộng	236.233.773.056	704.530.426.865	279.860.641.889

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Chi tiết các hợp đồng vay ngắn hạn như sau:

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	Hợp đồng số 134/2017/VCB-KHDN	100.000.000.000VNĐ hoặc USD tương đương	- Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Vay vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	- Nhà máy xử lý nước thải công suất 1.000m³/ ngày đêm; - Phần giá trị gia tăng đầu tư thêm gắn liền với Nhà máy xử lý nước thải; - Quyền sở hữu và tất cả các quyền, lợi ích khác liên quan đến Nhà máy xử lý nước thải, kể cả các quyền phát sinh từ hợp đồng, các khoản tiền/ tài sản bồi hoàn, các khoản thanh toán khác và quyền nhận tiền bảo hiểm đối với Nhà máy xử lý nước thải; - Tiền thu được, kể cả quyền nhận tiền thu được từ việc bán hoặc định đoạt tài sản đảm bảo. - Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng ký kết với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng.
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	Hợp đồng số 2000LAV/201802495	120.000.000.000VNĐ (Bao gồm cả nội tệ và ngoại tệ quy đổi)	Theo chu kỳ sản xuất kinh doanh, thời hạn cho vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Vay vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung tại thửa đất số 59, tờ bản đồ số 16, địa chỉ 261-263 Phan Châu Trinh, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 280282 do UBND TP Đà Nẵng cấp ngày 18/04/2008; - Phân xưởng chế biến số 3 và kho lạnh 800 tấn, cùng toàn bộ máy móc thiết bị thuộc tài sản thế chấp này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ngũ Hành Sơn	Hợp đồng số 01/2018-HĐCVHM/NHC T486-SEA	95.000.000.000 VNĐ hoặc USD tương đương	Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Vay vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	- Nguyên liệu, vật liệu, thành phẩm, hàng tồn kho luân chuyển trong quá trình kinh doanh; - Toàn bộ thiết bị chính và thiết bị phụ dây chuyển sản xuất thức ăn chăn nuôi cá; - Toàn bộ dây chuyền sản xuất thức ăn nuôi tôm.
--	---	---	---	--------------------------	--	--

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ngũ Hành Sơn	Hợp đồng số 01/2018-HĐCVTL/NHCT4 86-SEA	10.900.000.000 VNĐ	84 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Đầu tư 01 thiết bị cấp đông IQF siêu tốc 750kg/h, tái đông 900kg/h, máy nén, dàn ngưng và 02 máy dò kim loại Model KDS 4510ABW phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thủy sản	- 01 thiết bị cấp đông IQF siêu tốc 750kg/h, tái đông 900kg/h, máy nén, dàn ngưng và 02 máy dò kim loại Model KDS 4510ABW; - Nguyên liệu, vật liệu, thành phẩm, hàng tồn kho luân chuyển trong quá trình kinh doanh; - Toàn bộ thiết bị chính và thiết bị phụ dây chuyển sản xuất thức ăn chăn nuôi cá; - Toàn bộ dây chuyền sản xuất thức ăn nuôi tôm.
	Hợp đồng số 02/2018-HĐCVTL/NHCT4 86-SEA	825.000.000 VNĐ	36 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Mua xe ô tô 7 chỗ ngồi nhãn hiệu KIA, số loại chứng nhận đăng ký xe ô tô số 060757 do phòng cảnh sát giao thông Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 13/09/2018.	- Xe ô tô 7 chỗ ngồi nhãn hiệu KIA, số loại Sedona, biển kiểm soát số 43A-380.68, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 060757 do phòng cảnh sát giao thông Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 13/09/2018.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.20. Vốn chủ sở hữu

4.20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Tại ngày 01/01/2017	120.000.000.000	(101.650.000)	11.388.233.760	7.154.909.400
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	12.356.690.052
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(706.159.793)
Trả cổ tức	-	-	-	(6.000.000.000)
Số dư tại ngày 01/01/2018	120.000.000.000	(101.650.000)	11.388.233.760	12.805.439.659
Lãi trong năm nay	-	-	-	1.724.902.139
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.235.669.005)
Trả cổ tức	-	-	-	(6.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2018	120.000.000.000	(101.650.000)	11.388.233.760	7.294.672.793
				138.581.256.553

Công ty phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, số 01/2018/NQ – ĐHĐCĐ ngày 30/05/2018.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.20.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Vốn góp của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam	43.675.380.000	43.675.380.000
Vốn góp của các cổ đông khác	76.324.620.000	76.324.620.000
Cộng	120.000.000.000	120.000.000.000

4.20.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn góp tại ngày đầu năm	120.000.000.000	120.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	120.000.000.000	120.000.000.000

4.20.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.20.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.724.902.139	12.356.690.052
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	1.235.669.005
Lãi sau thuế để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.724.902.139	11.121.021.047
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	144	927

4.20.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.724.902.139	12.356.690.052
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	1.235.669.005
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm LNST	-	-
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.724.902.139	11.121.021.047
Số lượng CP phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.000.000	12.000.000
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng CP để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	12.000.000	12.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	144	927

Lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2017 được tính lại trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi. Lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2018 được tính dựa trên toàn bộ lợi nhuận sau thuế chưa trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi (do điều lệ và Nghị quyết chưa quy định tỷ lệ trích lập).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 31/12/2018 USD	Tại ngày 01/01/2018 USD
Ngoại tệ các loại USD	2.431.085,29	256.435,77
	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Công ty TNHH Mỹ Đức - Xóa sổ do tồn đọng lâu	87.511.000	-
Seatraco - Xóa sổ do tồn đọng lâu	1.540.050.033	-
Công ty TNHH Tân Hải Hưng - Xóa sổ do tồn đọng lâu	318.571.653	-
Lâm Quốc Việt - Xóa sổ do tồn đọng lâu	-	1.255.115.975
Các cá nhân khác - Xóa sổ do tồn đọng lâu	263.869.535	-

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu:	873.416.451.773	998.601.796.960
Doanh thu hải sản	661.685.170.024	785.604.784.353
Doanh thu vật tư hàng hóa	174.669.126.382	177.319.173.643
Doanh thu sản xuất thức ăn tôm, cá gia súc	24.525.541.100	23.155.352.300
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.536.614.267	12.522.486.664
Cộng	873.416.451.773	998.601.796.960
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan - Xem thêm mục 8	86.857.804	180.892.650

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chiết khấu thương mại	313.340.862	306.797.858
Giảm giá hàng bán	-	112.400.000
Hàng bán bị trả lại	4.694.447.784	4.259.219.180
Cộng	5.007.788.646	4.678.417.038

5.3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn hải sản	599.744.301.202	722.568.536.215
Giá vốn vật tư hàng hóa	170.752.470.329	173.249.309.067
Giá vốn sản xuất thức ăn tôm, cá gia súc	19.283.239.011	18.598.934.212
Giá vốn cung cấp dịch vụ	6.644.845.095	4.715.024.138
Cộng	796.424.855.637	919.131.803.632

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.862.780	21.941.533
Lãi bán các khoản đầu tư	8.204.868.695	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.562.125.000	1.950.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	829.303.128	2.332.298.853
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	147.951.304	143.134.977
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	1.614.922.433	9.903.523.466
Cộng	14.381.033.340	14.350.898.829

5.5. Chi phí tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí lãi vay	15.175.893.922	12.590.167.841
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	88.557.610
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	2.063.029.062	365.843.750
Phí lưu ký chứng khoán	86.012.379	-
Cộng	17.324.935.363	13.044.569.201

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.6. Chi phí bán hàng

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	348.959.587	332.996.577
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	13.443.455.608	13.028.110.559
Cộng	13.792.415.195	13.361.107.136

5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	23.421.813.924	26.225.606.879
Chi phí đồ dùng văn phòng	589.031.747	684.358.040
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	20.740.104.565	11.879.169.813
Chi phí khấu hao TSCĐ	189.103.320	588.345.451
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.257.943.665	9.489.641.979
Cộng	54.197.997.221	48.867.122.162

5.8. Thu nhập khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	606.549.518	67.420.904
Thu nhập khác	127.279.389	496.480.599
Cộng	733.828.907	563.901.503

5.9. Chi phí khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Các khoản phạt hành chính, phạt thuế khác	-	57.402.549
Xử lý công nợ	33.580.000	-
Các khoản khác	24.839.819	12.180.183
Cộng	58.419.819	69.582.732

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.724.902.139	14.363.995.391
Cộng:	916.243.620	872.151.631
- Các khoản phạt thuế và nộp phạt khác	-	57.402.549
- Thủ lao HĐQT không kiêm nhiệm	420.000.000	576.094.214
- Lãi CLTG kỳ trước đánh giá lại cuối kỳ	120.066.091	149.822.136
- Lỗ CLTG đánh giá lại cuối kỳ	323.200.107	
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	52.977.422	88.832.732
Trừ:	3.562.125.000	2.070.066.091
- Cổ tức lợi nhuận được chia	3.562.125.000	1.950.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	-	120.066.091
Tổng thu nhập chịu thuế	(920.979.241)	13.166.080.931
- Thu nhập được hưởng ưu đãi thuế	6.756.367.756	14.080.232.823
- Thu nhập của hoạt động khác	(7.677.346.997)	(914.151.892)
- Thu nhập của chuyển nhượng bất động sản	-	-
Thuế suất thuế TNDN hoạt động ưu đãi	15%	15%
Thuế suất thuế TNDN hoạt động khác	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.974.912.140
- Thuế TNDN của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế	-	1.974.912.140
- Thuế TNDN của hoạt động khác	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	2.007.305.339
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm này	-	1.974.912.140
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm này	-	32.393.199

5.11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	511.103.052.887	654.243.451.170
Chi phí nhân công	83.871.239.932	82.595.902.737
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.993.623.138	8.014.295.352
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.057.287.500	40.483.638.213
Chi phí khác bằng tiền	6.449.882.281	4.084.718.612
Cộng	655.475.085.738	789.422.006.084

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	704.254.426.865	818.327.785.847
Cộng	704.254.426.865	818.327.785.847

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	747.584.775.103	803.777.887.006
Cộng	747.584.775.103	803.777.887.006

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý kinh doanh như sau:

- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty Phát triển Nguồn lợi Thủy Sản
- Công ty Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Thọ Quang.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý	Chi nhánh Hồ Chí Minh		Công ty PTNL Thủy sản		Công ty CB & XK TS Thọ Quang	
	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu bộ phận	176.142.509.738	129.051.716.053	24.103.556.988	22.481.194.942	-	-
- Từ khách hàng bên ngoài	176.142.509.738	129.051.716.053	24.103.556.988	22.481.194.942	-	-
- Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Chi phí bộ phận	173.360.667.055	125.291.045.459	21.896.703.667	21.144.508.612	-	-
- Từ khách hàng bên ngoài	173.360.667.055	125.291.045.459	21.896.703.667	21.144.508.612	-	-
- Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Lãi (lỗ) hoạt động KD	2.781.842.683	3.760.670.594	2.206.853.321	1.336.686.330	-	-
Lãi (lỗ) hđ tài chính khác	1.558.360.570	2.294.768.219	1.728.976	(28.764.292)	-	-
Lãi vay	2.764.635.033	2.573.955.815	-	-	-	-
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính	(1.206.274.463)	(279.187.596)	1.728.976	(28.764.292)	-	-
Thu nhập khác	-	240.354.036	45.476.864	15.026.059	-	-
Chi phí khác	-	81.000	5.442.397	13.910.802	-	-
Lãi (lỗ) hoạt động khác	-	240.273.036	40.034.467	1.115.257	-	-
Lợi nhuận trước thuế	1.575.568.220	3.721.756.034	2.248.616.764	1.309.037.295	-	-
Thuế TNDN	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.575.568.220	3.721.756.034	2.248.616.764	1.309.037.295	-	-
Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018	Công ty PTNL Thủy sản Tại ngày 31/12/2018	Công ty PTNL Thủy sản Tại ngày 01/01/2018	Công ty CB & XK TS Thọ Quang Tại ngày 31/12/2018	Công ty CB & XK TS Thọ Quang Tại ngày 01/01/2018
- Tài sản ngắn hạn	39.162.452.884	23.758.483.620	7.924.222.250	7.255.427.958	87.402.344	87.360.541
- Tài sản dài hạn	3.831.793.332	4.304.000.052	1.714.047.919	1.945.804.563	-	-
Tổng tài sản	42.994.246.216	28.062.483.672	9.638.270.169	9.201.232.521	87.402.344	87.360.541
- Nợ ngắn hạn	34.612.703.758	19.680.941.214	1.070.755.225	633.717.577	87.402.344	87.360.541
- Nợ dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ	34.612.703.758	19.680.941.214	1.070.755.225	633.717.577	87.402.344	87.360.541
Khấu hao	472.206.720	525.864.825	671.107.700	707.478.459	-	-
Mua sắm tài sản	-	-	467.484.000	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý	Văn phòng		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu bộ phận	735.082.424.183	934.264.258.374	(66.919.827.782)	(91.873.789.447)	868.408.663.127	993.923.379.922
- Từ khách hàng bên ngoài	668.162.596.401	842.390.468.927	-	-	868.408.663.127	993.923.379.922
- Giữa các bộ phận	66.919.827.782	91.873.789.447	(66.919.827.782)	(91.873.789.447)	-	-
Chi phí bộ phận	736.077.725.113	926.798.268.306	(66.919.827.782)	(91.873.789.447)	864.415.268.053	981.360.032.930
- Từ khách hàng bên ngoài	669.157.897.331	834.924.478.859	-	-	864.415.268.053	981.360.032.930
- Giữa các bộ phận	66.919.827.782	91.873.789.447	(66.919.827.782)	(91.873.789.447)	-	-
Lãi (lỗ) hoạt động KD	(95.300.930)	7.465.990.068	-	-	3.993.395.074	12.563.346.992
Lãi (lỗ) hđ tài chính khác	13.436.537.386	14.204.449.357	(2.764.635.033)	(2.573.955.815)	-	-
Lãi vay	15.175.893.922	12.590.167.841	(2.764.635.033)	(2.573.955.815)	12.231.991.899	13.896.497.469
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính	(1.739.356.536)	1.614.281.516	-	-	15.175.893.922	12.590.167.841
Thu nhập khác	688.352.043	322.009.595	-	(13.488.187)	733.828.907	563.901.503
Chi phí khác	52.977.422	69.079.117	-	(13.488.187)	58.419.819	69.582.732
Lãi (lỗ) hoạt động khác	635.374.621	252.930.478	-	-	675.409.088	494.318.771
Lợi nhuận trước thuế	(2.099.282.845)	9.333.202.062	-	-	1.724.902.139	14.363.995.391
Thuế TNDN	-	2.007.305.339	-	-	-	2.007.305.339
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(2.099.282.845)	7.325.896.723	-	-	1.724.902.139	12.356.690.052
Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tổng cộng Tại ngày 31/12/2018	Tổng cộng Tại ngày 01/01/2018
- Tài sản ngắn hạn	339.133.495.432	312.725.040.246	(32.863.619.431)	(18.356.184.193)	353.443.953.479	325.470.128.172
- Tài sản dài hạn	78.152.143.356	118.246.980.190	-	-	83.697.984.607	124.496.784.805
Tổng tài sản	417.285.638.788	430.972.020.436	(32.863.619.431)	(18.356.184.193)	437.141.938.086	449.966.912.977
- Nợ ngắn hạn	286.906.359.637	303.829.054.419	(32.863.619.431)	(18.356.184.193)	289.813.601.533	305.874.889.558
- Nợ dài hạn	8.747.080.000	-	-	-	8.747.080.000	-
Tổng nợ	295.653.439.637	303.829.054.419	(32.863.619.431)	(18.356.184.193)	298.560.681.533	305.874.889.558
Khấu hao	6.850.308.718	(8.747.080.000)	-	-	-	-
Mua sắm tài sản	22.457.673.120	6.549.049.804	-	-	7.993.623.138	8.014.295.352
			-	-	22.925.157.120	6.549.049.804

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty CP Đầu tư New City Seadanang	Công ty liên kết
2. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 31/12/2018 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2018 VND</u>
Phải thu:		
Công ty CP Đầu tư New City Seadanang	-	20.757.647
Cộng - Xem thêm mục 4.3	-	20.757.647

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2018 VND</u>	<u>Năm 2017 VND</u>
Công ty CP Đầu tư New City Seadanang:		
Bán hàng - Xem thêm mục 5.1	-	12.377.143
Cho thuê văn phòng, điện nước - Xem thêm mục 5.1	86.857.804	168.515.507
Cho vay tiền	-	1.500.000.000
Thu lại tiền cho vay	-	1.500.000.000

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm 2018 VND</u>	<u>Năm 2017 VND</u>
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.961.885.119	1.188.348.871
Thù lao Hội đồng quản trị	480.000.000	316.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	<u>Năm 2018 VND</u>	<u>Năm 2017 VND</u>
Thù lao Ban kiểm soát	120.000.000	74.000.000

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Trần Như Thiên My
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 10 tháng 01 năm 2019

Lê Thanh Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ánh Hà
Người lập

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG



TP. Đà Nẵng, Ngày 20 tháng 03 năm 2019

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TRẦN NHƯ THIÊN MỸ